

Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 62

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 29.10. 2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

<https://www.youtube.com/watch?v=VyBSA-hKvs>

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về: “Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận”. Đây là bài thứ 62, chúng ta đã học 61 bài rồi. Nội dung phần này gồm có phần căn bản về Phật học, cũng có phần về tu Thiền, có phần về Vi Diệu Pháp, và lâu lắm rồi chúng ta không học về Câu Xá Luận. Thiện Trang chia sẻ cho quý vị những phần này, còn phần Câu Xá Luận có lẽ chúng ta chỉ tìm ra phần nào quan trọng để học thôi, cũng không cần học hết vì quá dài.

Hôm nay, chúng ta sẽ vào phần đầu tiên là phần cơ bản, thường chúng ta sẽ bắt đầu bằng những câu chuyện. Hôm nay giới thiệu cho quý vị một câu chuyện, đó là:

Vua Tịnh Phạn Tu Pháp Môn Gì? Thành Tựu Thế Nào?

(Kinh Phật Thuyết Tịnh Phạn Vương Niết Bàn)

佛說淨飯王般涅槃經

宋居士沮渠京聲譯

Kinh Phật Thuyết Tịnh Phạn Vương Bát Niết Bàn

Cư sĩ Thư Cừ Lương Thanh dịch vào thời nhà Tống

Thực ra câu chuyện này có xuất hiện ở trong cả kinh Đại thừa và kinh Tiểu thừa. Kinh Nguyên thủy và kinh Đại thừa cũng có, nhưng ở trong kinh Nguyên thủy ngắn quá, cho nên Thiện Trang xin phép trích từ kinh Đại thừa thì dài hơn, [nhưng lại] quá dài. Thật ra còn có bộ kinh ngắn hơn nữa, nhưng bộ kinh đó lại quá ngắn, cho nên trích bộ kinh dài. Mời quý vị theo dõi câu chuyện này:

Tôi nghe như vậy: Một thời Phật trú ở trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương Xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo câu hội. Lúc bấy giờ, Thế Tôn sáng rõ, giống như mặt trời lên chiếu sáng thế gian.

Lúc bấy giờ, vua của nước Xá Di tên là Tịnh Phạn dùng Chánh pháp để cai trị [đất nước], lễ đức nhân nghĩa, thường hành tâm từ. Lúc đó bị bệnh nặng, tứ đại trong thân, đồng thời phát ra hủy hoại thân thể, xương cốt đau nhức, hơi thở không điều hòa, giống như dòng nước chảy mạnh. Nên bèn truyền sai các vị y sĩ giỏi trong nước, đều đến tập hợp, xem bệnh cho vua, tùy bệnh mà cho thuốc, đủ cách trị liệu, nhưng không có thể thuyên giảm, mà điềm ứng đã đến, sẽ chết không bao lâu nữa.

Câu chuyện này mở màn là vua Tịnh Phạn, mình nói theo người đời thì vua Tịnh Phạn là cha của Đức Phật Thích Ca, nhưng nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì là cha của Thái tử Sĩ Đạt Đa. Khi ngài lớn tuổi thì ngài bị bệnh, bây giờ tìm mọi phương cách để chữa trị, tìm tất cả các bác sĩ y dược thời đó, nhưng kết quả vẫn không được. Bây giờ điềm báo là sắp chết, sắp hết mạng rồi.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn nhiều phiền não, xoay trở mình không ngừng, như con cá thiếu nước. Phu nhân, thể nữ thấy sự việc như vậy, cũng thêm sầu não. Lúc đó Học Phạn Vương, Đại Xứng Vương v.v..., và chư quần thần cùng nói lên rằng: ‘Nay vua sắp băng hà, vĩnh viễn mất đi sự che chở, khiến đất nước sẽ suy yếu’.

Quý vị thấy lúc đó thì có những người anh em của vua Tịnh Phạn, vua Tịnh Phạn có năm anh em trai là: Học Phạn Vương, Đại Xứng Vương v.v... ở đây kể ra hai tên. Và chư quần thần thì họ cũng thấy rằng là vua sắp băng hà, tức là sắp qua đời, mất đi sự che chở sẽ khiến đất nước suy yếu.

Thân vua run rẩy, miệng thì khô khan, lời nói yếu ớt, mắt hoa, lệ

chảy. Lúc ấy, các vị vua v.v... đều dùng tâm cung kính, quỳ dài chấp tay, cùng nhau bạch rằng: ‘Đại vương tính xưa nay, không thích làm ác, dù chỉ khoảng khắc, mà ngài tích đức không biết chán, giúp đỡ nhân dân, luôn luôn an ổn, vang danh mười phương. Ngày nay Đại vương, có sao lo lắng?’

Lúc này thì những người hầu vị và những vị vua (là em của vua Tịnh Phạn) có nhắc nhở đến công đức. Đây là cách giống như cách hộ niệm cho người [sắp] ra đi. Lúc đó nhắc nhở lại những việc lành của vua Tịnh Phạn để cho vua không lo lắng.

Lúc ấy, vua Tịnh Phạn liền nói với các vua rằng: ‘Mạng ta dẫu hết, không bởi vì khổ, nhưng còn tiếc nuối không được gặp con trai của ta, và còn tiếc rằng không thấy con trai thứ Nan-đà, bởi đã trừ tham và các dục thế gian; lại tiếc nuối không thấy A Nan-đà con trai của vua Hộc Phạn, [người] trì tạng pháp của Phật, không sót một lời; lại tiếc rằng không thấy cháu đích tôn La-vân (là ngài La Hầu La). (Ở đây, vua Tịnh Phạn nhớ đến đức Phật Thích Ca là con của ngài, và con trai thứ là ngài Nan Đà (ngài Nan Đà rất đẹp, có 30 tướng tốt), rồi ngài A Nan Đà là con trai của vua Hộc Phạn, là Thị giả của Đức Phật, và khen ngợi ngài A Nan Đà (chúng ta hay nói ngài A Nan). Sau đó là Tôn giả La Hầu La là cháu đích tôn (cháu ruột của ngài)) tuy rằng tuổi trẻ nhưng đầy đủ Thần tực, giới hạnh không thiếu khuyết. Nếu ta được gặp những người ấy, thì dù bệnh ta trầm trọng, chưa khỏi sanh tử, nhưng không bị khổ’. Các vua ở xung quanh, nghe lời như vậy, đều chảy nước mắt, rơi lệ như mưa.

Có nghĩa lúc đó các vua kia thấy [ngài] như vậy đau khổ. Tức là vua Tịnh Phạn trước khi qua đời mong là được gặp con trai của mình là Đức Phật Thích Ca, gặp con trai thứ là ngài Nan Đà, gặp cháu là ngài A Nan (con trai vua Hộc Phạn). Như vậy chúng ta hiểu vai [vế] của ngài A Nan với Đức Phật Thích Ca gọi là anh em chú bác. Còn La Vân (tức là La Hầu La) chính là con trai của Thái tử Tất Đạt Đa (hay là Sĩ Đạt Đa), là cháu đích tôn của vua Tịnh Phạn. Quý vị thấy, vua Tịnh Phạn mong gặp bốn người này. Bây giờ Thiện Trang xin lược qua một đoạn vì đoạn này dài, nói qua nói lại, tóm lại một hồi đang nói như vậy.

(...lược một đoạn)

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ở núi Linh-thứu, bằng Thiên nhĩ nghe thấy những tiếng than van của vua cha và lời nói của các vua khác trong đại thành Ca-tỳ-la-vệ, liền dùng Thiên nhãn quan sát thấy cảnh ngay giường bệnh của vua cha, đã rất tiêu tụy nguy nan, mạng đã sắp hết, biết rằng phụ vương khát ngưỡng gặp được những người con của mình.

Tức là lúc bấy giờ Đức Phật dùng Thiên nhãn quan sát và dùng Thiên nhĩ nghe được những tiếng đó. Quan sát thấy cảnh rất rõ, là cảnh tại giường bệnh như thế nào, biết được phụ vương tức là cha của mình muốn gặp. Ở đây Thiện Trang lược một đoạn... Đức Phật nói với ngài Nan Đà, ngài A Nan và Tôn giả La Vân (La Hầu La), lúc đó các ngài xin đi theo cùng Đức Phật trở về thành Ca-tỳ-la-vệ.

(...lược đoạn nói ngài Nan-đà, A Nan-đà, La-vân xin cùng đi theo Phật)

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền dùng Thần túc, giống như nhận vương (là vua của các con chim nhận) bay lên hư không, lập tức hiện ở thành Ca-tỳ-la-vệ, phát ra ánh sáng lớn (ở đây những kinh Đại thừa thì hay dùng những từ ngữ ánh sáng lớn v.v...). Nhân dân trong nước thấy Đức Phật đến, thấy đều thốt lên, rơi lệ mà nói: ‘Giả sử Đại vương băng hà, thì tên của nước Xá-di chắc sẽ mất đi’.

Tức là nhân dân trong thành Ca-tỳ-la-vệ nghĩ rằng vua Tịnh Phạn qua đời, thì tên của nước Xá-di (tức là nước Ca-tỳ-la-vệ) sẽ bị mất đi, vì mất một vị vua thì chắc là khó [tìm] được. Người còn thì đất nước còn, người mất thì khó mà tìm được người tài giỏi như vậy.

Nhân dân trong thành hướng về Phật mà rơi lệ, bạch Thế Tôn rằng: ‘Lúc khi Thái tử đi ra khỏi thành, đến cây Lam-bì để ngồi tư duy, vua cha thấy vậy, đánh lễ sát đất. Đại vương như nay mạng sống không lâu, chỉ mong Như Lai có thể hợp thời gặp mặt vua’. Nhân dân trong nước tự động lan nhau, nghẹn ngào khóc lóc.

Lúc đó nhân dân nhắc lại lúc [làm] lễ Canh điền, quý vị thấy trong khi mọi người đang làm lễ, thì lúc đó Thái tử còn rất nhỏ, Ngài ngồi dưới cây Lam-

bì tọa thiền, lúc đó đắc được Sơ thiền. Nhờ trạng thái Sơ thiền đó nên rất an nhiên, cho nên vua Tịnh Phạn lúc đó bất giác cũng lễ con trai của mình. Lúc đó [Thái tử] còn nhỏ, chưa đi xuất gia.

Đức Phật thấy rồi, dạy người trong nước rằng: ‘Vô thường ly biệt, xưa nay như vậy. Nay hỡi các người! Hãy nhớ nghĩ rằng: Sanh tử là khổ, chỉ Đạo là chân’. (Đoạn này Thiện Trang cố gắng đánh dấu đỏ lên cho quý vị thấy).

Đó là Đức Phật khai thị: ‘Vô thường ly biệt, xưa nay như vậy’, chắc chắn bây giờ cũng vậy và ngày xưa cũng vậy. Quý vị đừng mong trên cuộc đời này không có bao giờ không có sự chia ly, vì chắc chắn rồi cũng chia ly. Cho nên ai mà còn ôm ấp, còn yêu thích ái, gọi là ái luyến thì sẽ tin sâu ưu thôi. Vì sao? Vì không hiểu Vô thường. Cho nên Đức Phật nói: “Sanh tử là khổ, chỉ Đạo là chân”. Cho nên khi nào mình thoát sanh tử thì mới [là] Đạo. Phải nhớ như vậy! Chứ còn sanh tử là chắc chắn khổ rồi, không thể nào không khổ.

Đức Phật dùng mưa pháp tưới tâm chúng sanh, dùng đủ mọi pháp để khai giải họ.

(...Lược một đoạn)

Vua [Tịnh Phạn] nghe Đức Phật đến, tâm rất cung kính, bất giác đứng dậy. Trong chỉ khoảng khắc, Phật liền vào cung. Vua thấy Đức Phật, dùng hai tay lễ, tiếp chân Đức Phật mà nói rằng: ‘Chỉ mong tay của Như Lai chạm vào thân con, khiến con được an ổn. Vì nỗi khổ của bệnh, giống như bị ép dầu, đau không thể chịu nổi, mạng con sắp hết, không thể sống nữa! Nay con sau cùng được gặp Thế Tôn, khiến nỗi đau liền trừ’.

Vua Tịnh Phạn lúc đó thấy Đức Phật vào cung, mặc dù ông [bị] bệnh rất nặng, nằm trên giường, nhưng lúc đó lại bất giác đứng dậy, [với] tâm cung kính và cũng đánh lễ Phật, dùng hai tay chạm lên chân Phật, và mong Đức Phật dùng tay để chạm vào người [mình]. Bởi vì nỗi đau [của] vua Tịnh Phạn lúc đó tả giống như bị ép dầu. Ép dầu là lấy hột đậu phộng mà quý vị ép [chặt] vào cho nó ra dầu, đau lắm, người mình [cũng] như vậy. Nhưng nhờ gặp được Đức Thế Tôn cho nên ngài vui mừng, nỗi đau bớt.

(...lược một đoạn)

Lúc bấy giờ, vua Tịnh Phạn nhất tâm chấp tay, tán thán Thế Tôn rằng:

**Nguyện Ngài đã thành tựu,
Cũng mãi nguyện chúng sanh,
Con nay bị bệnh nặng,
Nguyện Phật độ cho con.**

Tức là bốn câu kệ này, đầu tiên là tán thán Đức Phật đã thành tựu nguyện, thành Phật rồi. ‘Cũng mãi nguyện chúng sanh; Con nay bị bệnh nặng; Nguyện Phật độ cho con’.

**Trang nghiêm dòng Cù-đàm,
Ngài thật là đặc biệt,
Đời khổ thuyết Chánh pháp,
Không giúp mà thật giúp.
Chánh pháp dùng Pháp vị,
Tưới mát các chúng sanh,
Những người sau như thế,
Chúng con rất từ hiếu.
Là Báu quý trong người,
Tiếng vang khắp ngàn cõi,
Lên đến Tịnh Cư thiên,
Duy nhất không ai bằng.**

Tán thán Đức Phật rất tuyệt vời, là quý báu nhất ở trong [cõi] Người. Không chỉ vậy mà vang lên khắp ngàn cõi, lên đến cõi trời Ngũ Tịnh Cư (tức là trời Sắc giới). Cõi trời Vô sắc giới thì người ta không biết, chứ còn trời Sắc giới thì được.

Đức Phật nói: ‘Nguyện mong phụ vương chớ lo lắng nữa! Vì sao như thế? Vì đầy đủ đạo đức, không có thiếu khuyết’. Đức Phật từ trong y ca-sa

đưa cánh tay màu vàng ra, chấp giống như hoa sen, liền dùng tay xoa lên trán của phụ vương [nói rằng]: ‘Vua là thanh tịnh, người thực hành giới, đã rời tâm ô nhiễm, nay nên hoan hỉ, không nên phiền não; Nên thật tư duy nghĩ nhớ ý nghĩa của kinh pháp, sẽ được chí vững vàng ở trong nỗi khổ, đã trồng căn lành. Vì thế, đại vương! Cần nên hoan hỉ, tuy mạng sắp hết, nhưng có thể thư thái’.

Tức là lúc đó Đức Phật khai thị, [nhắc] nhớ lại, thông thường bài gọi là hộ niệm cho người lâm chung. Đó là nhắc lại những công đức, những việc làm tốt trong đời. Đức Phật cũng làm như vậy, nhắc Vua Tịnh Phạn đã thực hành được giới, đã rời được sự ô nhiễm, nên hãy hoan hỉ vì có công đức như vậy. Đừng lo lắng mà hãy tư duy nhớ nghĩ đến kinh pháp, sẽ được chí vững vàng ở trong nỗi khổ, vì đã trồng căn lành. Cho nên bây giờ hãy hoan hỷ, tuy mạng là sắp hết rồi nhưng có thể thoải mái, đừng có lo sợ. Quý vị thấy, đó là pháp hộ niệm đúng chưa? Đức Phật không có dạy sanh về cõi nào hết, mà Đức Phật dạy như thế. Đoạn này cũng nói qua nói lại một đoạn, thì Thiện Trang cũng lược, tóm lại là Thiện Trang chỉ lấy những khai thị quan trọng, [vì] dài quá.

(...lược một đoạn)

Lúc ấy, vua Tịnh Phạn nghe lời ấy rồi, rất là hoan hỉ, không thể kiềm chế, liền dùng tay mình chạm lên tay Phật, xoa lên trên tim. Vua ở trên giường hướng lên chấp tay, bạch Thế Tôn rằng (tức là vua bây giờ nằm trên giường rồi, chứ không thể nào mà ngồi dậy nữa): ‘Con nhìn mắt Như Lai không nháy, nhìn mà không chán, con đã mãn nguyện, tâm ý hoan hỉ, từ nay ly biệt. Như Lai, Chí Chân mang lại nhiều sự lợi ích, người nào được thấy, được nghe Ngài nói, thì những người như thế đều là có đại công đức. Ngày nay Thế Tôn là con của con, đã gặp rất nhiều, không bị từ bỏ’.

Có nghĩa là vua Tịnh Phạn lại tán thán Đức Phật là: nhìn thấy Đức Phật không có chán, nhìn không nháy mắt luôn, và rất là hoan hỉ thỏa mãn rồi. Biết rằng từ nay không còn cơ hội gặp nữa, cho nên từ nay ly biệt. Như vậy người nào thấy được Đức Phật, được nghe lời Phật, đó là có đại công đức, cho nên ngài cũng thỏa mãn rồi. Tức là đến cuối cùng cũng được gặp Phật.

Vua chấp tay ở trên giường, tâm lễ Thế Tôn dưới chân. Lúc đó lòng bàn tay Đức Phật đặt lên ngực của vua, sự vô thường đã đến, mạng hết, hơi thở dứt, liền thành đời khác'.....

Nói chung lúc đó tả đức vua cũng hết thọ mạng nên ngài qua đời. Đoạn tiếp theo là kể các quần thần v.v... có nhiều người khóc lóc, thì thôi Thiện Trang bỏ qua. Tiếp theo là lễ trà tỳ, cũng bỏ qua luôn nha.

(...lược bỏ một đoạn)

Lúc ấy Thế Tôn nói với đại chúng rằng: ‘Thế gian đều là vô thường, khổ, không, chẳng phải là thân, không có lâu bền, như huyễn như hóa, giống như lửa cháy, như trăng trong nước, mạng không lâu dài. Những người các vị! Chớ thấy lửa này mà cho là nóng, bởi lửa các dục còn nóng rất nhiều hơn đây. Vì thế, mọi người nên tự khích lệ, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đạt đến đại an vui’.

Đoạn này là Đức Thế Tôn khai thị. Chúng ta cũng nên nhớ đoạn này. Đó là thế gian đều là vô thường, khổ, không, chẳng phải là thân ta, không có lâu bền như huyễn như hóa (là ảo, không thật), giống như lửa cháy, như trăng trong nước, mạng không lâu dài. Chớ là lửa (lửa đốt quan tài lúc đó) mà cho là nóng, bởi vì lửa các dục còn nóng hơn nhiều. Quý vị nhớ, lửa ngoài đời không có nóng, mà lửa dục (tức là sự ham muốn, sự mong cầu, sự tham của mình như tham nhà, tham của, tham bà con quyến thuộc, tham người này, tham người kia được như ý mình, đều là tham) thì lửa đó mới nóng, khổ hơn nữa. Cho nên Đức Phật tự khích lệ, vĩnh viễn xa lìa sanh tử để đạt đến đại an vui, tức là Niết-Bàn.

Lúc đó thì lửa đã thiêu xong thân thể của vua Tịnh Phạn.

Đoạn này chúng ta đã lược qua, chứ không, tả dài quá về lễ tang.

(...lược một đoạn)

Khi ấy đại chúng đồng thời lên tiếng, bạch Đức Phật rằng: ‘Đại Tịnh Phạn vương nay đã mạng chung, Thần thức sanh ở chốn nào? Nguyên mong Thế Tôn phân biệt giải nói!’ (Tức là mọi người cũng muốn biết là vua Tịnh Phạn sanh vào cõi nào, cho nên hỏi đức Phật).

Lúc đó, Thế Tôn nói với đại chúng rằng: ‘Phụ vương Tịnh Phạn là người thanh tịnh, sanh Tịnh Cư thiên’.

Đoạn này tuy có câu ngắn thôi (câu màu đỏ), nhưng chúng ta hiểu ngay là sanh Tịnh Cư thiên, tức là sanh vào Ngũ Bất Hoàn thiên, phải không ạ? Tức là phải Tam quả A-na-hàm và có đắc Tứ thiền. Cho nên nghe pháp thế nào đó, mặc dù lúc mạng chung có vẻ không an lành, nhưng cuối cùng có lẽ là nhờ Đức Phật Thích Ca.

(...lược đoạn cuối)

(Kinh Phật Thuyết Tịnh Phạn Vương Bát Niết Bàn).

Ở bài kinh khác và theo Chú Giải, tại vì trong kinh Nguyên thủy và ở bài kinh khác của kinh Đại thừa, thì nói là vua Tịnh Phạn nhập Bát-niết-bàn luôn. Tức là không có sanh vào Tịnh Cư Thiên mà đắc A-la-hán luôn. Cho nên chi tiết này, tuy chúng ta coi có trong kinh, nhưng cũng phải có một cái nhìn rằng: Nếu người nào nói vua Tịnh Phạn đắc A-la-hán nhập Niết-Bàn thì chúng ta cũng chấp nhận, bởi vì có kinh nói như vậy, cả kinh Đại thừa và kinh Tiểu thừa, cho nên không biết. Tóm lại là không biết như thế nào, nhưng Thiện Trang nghe thấy có vị sư, hình như thầy Giác Nguyên cũng nói là vua Tịnh Phạn đắc được Tam quả A-na-hàm. Bên Nam truyền cũng có chi tiết nói như vậy. Cho nên có cả đắc A-la-hán hoặc A-na-hàm nha, nên đừng có cãi. Nếu người ta nói cái nào thì mình cũng đừng cãi. Mình biết cả hai thì mình không cãi, còn người chỉ biết một thì người ta sẽ cãi.

Như vậy chúng ta thấy đó là vua Tịnh Phạn. Tóm lại là ngài tu [pháp] gì? Chúng ta thấy ngài tu vẫn là con đường [chứng quả], chứ không phải khai thị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc như người ta nói, nhớ là như vậy. Đây là vấn đề thứ nhất là chúng ta cung cấp một khai thị về Vô thường và hiểu thêm [về vua Tịnh Phạn].

Phần kiến thức thứ hai, hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị đó là thứ tự quả báo lớn nhỏ của việc cúng dường các đối tượng. Ở đây chúng ta cũng nên cần biết kiến thức này:

Thứ Tự Quả Báo Lớn Nhỏ Của Việc Cúng Đường Các Đối Tượng **(Theo Kinh Trung Bộ)**

Thiện Trang sẽ trích một đoạn thôi.

Này Ananda (tức là Đức Phật nói với ngài A Nan), **có 14 loại cúng đường phân biệt theo phân loại theo hạng người** (tức là Đức Phật nói là cúng đường thì có 14 loại. Phân biệt 14 loại theo các tầng bậc, công đức, phước báo). **Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng đường thứ nhất.** (Tức là cúng đường cho Phật là thứ nhất. Ở đây dùng từ bố thí và cúng đường đúng không ạ? Trong kinh, từ bố thí và cúng đường gần như không phân biệt). **Phân loại theo hạng người. Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng đường thứ hai, phân loại theo hạng người.** (Tức là đứng đầu là Phật rồi, thứ hai là Độc giác (tức là Bích-chi-phật)). **Phân loại theo hạng người. Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng đường thứ ba, phân loại theo hạng người.** (Chỉ phân loại theo hạng người thì chúng ta không cần để ý. Thứ ba là bố thí cho các bậc A-la-hán. A-la-hán tất nhiên phải là Đệ tử của Như Lai rồi.)

Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng đường thứ tư, phân loại theo hạng người. (Đứng thứ tư là bố thí cúng đường cho những người đang đi trên đường A-la-hán. Đang chứng quả A-la-hán tức là A-la-hán hướng, ngôn ngữ vậy đó). **Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng đường thứ năm, phân loại theo hạng người.** (Hạng người thứ năm, tức là công đức cúng đường nhỏ hơn, là cúng đường cho [quả] Bất lai (Bất lai là Tam quả A-na-hàm)). **Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng đường thứ sáu, phân loại theo hạng người.** (Thứ sáu là cúng đường cho bậc Tam quả hướng; trên con đường chứng quả Bất lai tức là Tam quả hướng).

Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng đường thứ bảy, phân loại theo hạng người. (Thứ bảy là cúng đường cho cho quả Nhất lai (Nhất lai là Nhị quả Tư-đà-hàm)). **Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng đường thứ tám, phân loại theo hạng người.** (Thứ tám là cúng đường cho người trên con đường chứng quả Nhất lai, tức là Tư-đà-hàm hướng (Nhị quả hướng)). **Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng đường thứ chín, phân loại**

theo hạng người. (Chứng quả Dự lưu là Sơ quả Tu-đà-hoàn, là được thứ chín). **Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.** (Thứ 10 là cúng dường cho Sơ quả hướng (bậc Sơ quả hướng là Tùy tín hành, Tùy pháp hành)).

Bố thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người. (Tức là thứ 11 là sau vị Dự lưu hướng (tức là Sơ quả hướng) là cúng dường cho ngoại học, tức là ngoại đạo mà đã ly tham trong các dục vọng. Ly tham ở đây chú giải ghi rõ đó là chứng Thiền, tức là chứng Sơ thiền trở lên. Mình cúng dường cho những người này thì cũng có phước nha). **Bố thí những phạm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người.** (Thứ 12 là cúng dường cho phạm phu mà giữ được giới. Như vậy nhớ nha! Ở đây đừng tưởng ngoại đạo không đáng [cúng dường], ngoại đạo mà đắc Thiền (đắc Thiền là ly dục, ly các pháp ác bất thiện, đó là đắc Sơ thiền trở lên) thì còn hơn hạng người phạm phu trong nội đạo. Tức là [người theo] đạo Phật mà tu giữ Giới luật vẫn thua người đắc Thiền, vì chúng ta biết đắc Thiền thì sẽ được Định cộng Giới, tự nhiên người ta giữ được giới. Cho nên đắc Thiền quan trọng. Mình cứ tưởng là cúng dường cho phạm phu giữ giới luật ngon, chưa! Ngoại đạo mà đắc Thiền thì ngon hơn đó).

Bố thí những phạm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người. (Ở trên là giữ giới được rồi, là thứ 12. Rồi bố thí cho những người phạm phu ác giới, tức là không giữ giới, nói chung là làm bậy, thì là thứ 13). **Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.** (Thứ 14 là cúng dường cho bàng sanh, tức là loại đi ngang, tức là Súc sanh).

Quý vị thấy theo thứ tự như vậy, thì nhiều người sai lầm ở chỗ này, đặc biệt nhiều đồng tu học Tịnh Độ, là bố thí cho Súc sanh nhiều hơn mà quên bố thí cho người. Đức Phật nói bố thí cho súc sanh là ở hạng cuối, đúng không ạ? Còn bố thí cho người mà người ác giới thì vẫn hơn súc sanh. Quý thấy không ạ? Trong các thứ tự này, nếu chưa tin thì chút nữa nói lại, Đức Phật nói thêm lần nữa. Cho nên có nhiều điều sai lầm, cứ lo phóng sanh, phóng sanh. Nhưng thật

ra thời Phật, Đức Phật đâu có dạy phóng sanh đâu, phóng sanh là từ người Trung Hoa đề xướng. Nhớ! Bồ thí cho phàm phu ác giới thì phước vẫn hơn [bồ thí cho] súc sanh. Nhớ điều này để mình tu cho đúng nha.

Cho nên Thiện Trang vẫn khuyên quý vị bớt bớt phóng sanh lại đi, hãy giúp những người nghèo khổ, những người bây giờ đang bị thiên tai, lũ lụt, đau ốm ở bệnh viện, nhà có khó khăn, v.v... Cho dù họ chưa tu, thì cứ cho là họ theo ác giới đi, đó là tệ nhất, nhưng trong đó chắc chắn có những người thiện, người tốt đúng không? Thì vẫn hơn phước so với bồ thí cho loài súc sanh. Không tin thì coi tiếp ở đây:

Tại đây, này Ananda, sau khi bồ thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức (1). (Như vậy nếu mà bồ thí cho bàng sanh thì việc bồ thí đó có hy vọng đem lại trăm phần công đức. Vẫn có công đức đó, ok). **Sau khi bồ thí cho những phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức (2).** (Gấp 10 lần nha. [Bồ thí các loài bàng sanh] có trăm phần công đức, mà đây gấp 10 lần, là thành 1000 luôn. 1000 phần công đức đó. Cho nên là hơn gấp 10 lần luôn nha quý vị. Cho nên không học Chánh pháp Như Lai, rồi nghe người đời sau là thiệt thòi lớn. Chỗ phước nhiều hơn thì mình không tu, chỗ phước ít hơn mà mình lại tu, mình lại cho là phước nhiều hơn. Cho nên là có những điều hơi điên đảo là vậy).

Sau khi bồ thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức (3). (Nhiều hơn nữa! Đầu tiên bồ thí cho Súc sanh có 100 phần công đức, mình nói 100. Bồ thí cho người ác giới (tức người không có giữ giới, làm càn làm bậy) thì được 1000 [phần công đức]. Còn đây là 100.000 luôn, tức là 1000 so với 100.000 thì cái nào hơn? Quý vị thử cầm tờ 1000 đồng quý vị mua được cái gì? 1000 đồng Việt Nam ít quá, thôi 1000 Euro đi. Bây giờ 100.000 Euro thì mua được cái nhà rồi đúng không? Còn 1000 Euro thì chưa mua được gì hết. 100.000 Euro là khoảng 30 tỷ, bây giờ hơn 30 tỷ đó. Quý vị thấy là rõ ràng là công đức rất lớn, bồ thí cho người phàm phu giữ Giới luật là được như vậy. Cho nên lớn hơn 100 lần nữa).

Sau khi bồ thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng,

cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức (4). (Ôi, nhiều quá! Quý vị thấy không ạ? Đối với người đã chứng Thiền, dù là họ tu ngoại đạo, nhưng quý vị cúng dường như vậy thì [công đức] hơn trăm ngàn ức lần. Tức là mình thêm một ức vào đó nữa. Quý vị thấy [được công đức] lớn như vậy). **Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức (5).** (Tức là tới đây thì không đếm nổi rồi. Mới đi trên con đường chứng quả Dự lưu (tức là Sơ quả hướng: Tùy tín hành, Tùy pháp hành) thôi là đem tới vô lượng công đức. Lại cúng dường cho những người ấy [thì được] vô lượng công đức.

Quý vị thấy không ạ? Ngon không? Bây giờ quý vị trở thành Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng dễ mà đúng không? Bây giờ học, biết cách rồi, dễ vô cùng. Cho nên ráng đi nha! Ráng đi, làm ruộng phước cho Nhân thiên luôn. Mình tự tu, để mình chứng con đường gọi là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, thì mình đã trở thành quả Dự lưu, lúc đó người ta cúng dường quý vị. Ai cúng dường? Người trong nhà, cho quý vị gì đó, cho bữa cơm, cho chút tiền. Các cụ lớn tuổi rồi, ở nhà con cháu cho ít tiền, nó bố thí cho, nó đâu biết mình là Sơ quả Dự lưu đâu. Dự lưu hướng thôi (Tùy tín hành, Tùy pháp hành) là công đức của người đó vô số vô lượng rồi. Quý vị thấy không ạ? Vô số vô lượng công đức, không kể nổi rồi đó. Đó là trường hợp thứ 5).

Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? (6) (Chứng quả Dự lưu thì công đức nhiều nữa, không đếm nổi rồi, đây là vô số vô lượng rồi) **Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? (7)** (Tức là Nhị quả hướng thì công đức lớn nữa, không thể nào tưởng tượng được) **Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? (8)** (Cúng dường cho Nhị quả thì công đức quá lớn, không đếm nổi) **Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? (9)** (Đây là đối tượng thứ 9, thì công đức bố thí những vị trên con đường chứng quả Bất lai là Tam quả hướng. Tới Tam quả hướng thôi mà mức độ như vậy.) **Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? (10)** (là Tam quả thì công đức quá trời) **Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? (11)** (Trên con đường chứng quả A-la-hán là A-la-hán hướng, thì công đức lớn lắm) **Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử**

Như Lai? (12) (Đối tượng 12 là cúng dường cho A-la-hán thì công đức không thể kể nổi luôn, công đức của mình cúng dường nhiều quá) **Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? (13)** (Độc giác Phật thì công đức còn lớn hơn A-la-hán nữa. Cho nên mình cúng dường những vị đó thì công đức vô số) **Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác? (14)** (Tức là cúng dường cho Phật thì phước vô lượng. Thiện Trang trích một đoạn thôi để không bị nhiều).

(Trích từ - 142. Kinh Phân Biệt Cúng Dường (Dakkhinaṇvibhanga sutta) - Kinh Trung Bộ).

Trong Kinh Trung Bộ, quý vị có thể lên mạng tìm bài kinh này rất dễ dàng. Kinh 142, bản dịch của Hòa thượng Minh Châu, trong Tạng Kinh Nikaya - Kinh Trung Bộ. Thiện Trang làm một bảng tổng kết cho quý vị dễ nhớ, 14 đối tượng.

Thứ tự công đức cúng dường cho cá nhân theo Kinh Phân Biệt Cúng Dường trong Kinh Trung Bộ		
TT	Đối tượng	Công đức được
1	Súc sanh	100 phần
2	Người phạm theo ác giới	1.000 phần
3	Người phạm giữ giới	100.000 lần
4	Người ngoại đạo ly tham (chứng thiền)	100.000 ức lần
5	Bậc Sơ quả hướng (Dự lưu hướng)	vô số vô lượng
6	Bậc Sơ quả (Dự lưu)	Không đếm kể hết
7	Bậc Nhị quả hướng	Không đếm kể hết
8	Bậc Nhị quả (Thất lai)	Không đếm kể hết
9	Bậc Tam quả hướng	Không đếm kể hết
10	Bậc Tam quả (Bất lai)	Không đếm kể hết
11	Bậc Tứ quả hướng	Không đếm kể hết
12	Bậc Tứ quả (A-la-hán)	Không đếm kể hết
13	Bậc Độc giác (Bích-chi-Phật)	Không đếm kể hết
14	Bậc Chánh Đẳng Giác (Phật)	Không đếm kể hết

Nếu mình cúng dường cho ai, thì công đức đạt được như thế nào? Ví dụ

cúng dường đối tượng súc sanh thì quý vị được 100 phần công đức thôi, cũng nhiều đó quý vị. Cho nên cúng dường một chút cho súc sanh là đã có công đức rồi. Cúng dường cho người phạm phu ác giới (người này không giữ Ngũ giới, làm bậy làm xằng) thì cũng được 1.000 công đức, tức là hơn 10 lần so với cúng dường cho súc sanh. Nhớ nha quý vị! Nhớ siêng cúng dường cho người bình thường thôi cũng ngon rồi. Nếu [cúng dường] cho người phạm giữ giới thì được 100.000 lần luôn, tức là lấy số 1.000 nhân thêm 100 lần nữa, quý vị thấy đã không?

Cho nên cúng dường đâu cần ở đâu xa, có nhiều người phạm giữ giới mà. [Và cúng] cho người ác giới cũng có công đức, chứ không phải như người ta nói là cúng dường cho mấy người không giữ giới là không có phước, quý vị thấy sai không ạ? Ăn rồi cứ lo đi cúng cho súc sanh, cho nên là ngược, Thiện Trang nói ngược. Nhiều khi không học giáo pháp, rất là đáng thương, mình phải học Chánh kinh của Phật.

Cúng dường cho người ngoại đạo ly tham, Thiện Trang giải thích ở đây là chứng Thiển, trong Chú Giải nói rất rõ là chứng Thiển, thì nhiều lắm, 100.000 ức lần, thêm chữ 'ức' nữa. Quý vị thấy không? Hơn hàng phạm phu giữ giới nữa, 100.000 thêm chữ 'ức' nữa, số ức là số rất lớn. Nếu mình cúng dường cho đối tượng là bậc Sơ quả hướng (Dự lưu hướng) là Tùy tín hành, Tùy pháp hành thì vô số vô lượng công đức không đếm kể nổi. Và các bậc trên nữa là không đếm hết luôn, không đếm không kể được.

Cho nên cúng dường cho bậc Sơ quả Dự lưu, công đức không đếm kể, cúng dường cho bậc Nhị quả hướng, công đức không đếm kể, cúng dường cho bậc Nhị quả, công đức không đếm kể, rồi Tam quả hướng, Tam quả, Tứ quả hướng, Tứ quả, Bích-chi-phật (Độc giác Phật) và bậc Chánh Đăng Giác (Phật) thì các công đức sau đó thì khỏi nói luôn. Cho nên quý vị thấy trong kinh, ai cúng dường cho Độc giác Phật, hồi hướng là đắc đạo đó, cúng dường cho Phật thôi cũng đắc đạo. Cúng dường là đắc đạo đó, cho nên ngon lắm, không có đơn giản đâu. Mình cúng dường cho A-la-hán thôi là phước báo vô lượng, cho nên dư.

Mấy quả này, trong bài kinh nào đó, không biết Thiện Trang có trích chưa, nhưng có nói nhiều lần rồi, là cúng dường cho bậc Thánh nhân phước lớn cực

kỳ, phước lớn lắm, có khi không thể trở trong đời này mà phải chờ duyên trong đời sau. Cho nên mình cứ cúng cho tất cả đối tượng là tốt.

Như vậy hôm nay mình học rồi, mình biết thứ tự cúng dường rồi đó. Đây là đối tượng cá nhân, còn đối tượng tập thể nữa, tập thể thì để bữa khác, mỗi bữa học một chút thôi. Có bảng này thì ok, mình đừng có sai lầm, cho nên phải học giáo pháp của Như Lai.

Tiếp theo chúng ta đến phần tu tập, vừa rồi là phần phước báo Nhân thiên. Nhưng thật ra cúng dường cho những vị Độc giác mà hồi hướng đều đắc đạo hết đó quý vị, do tâm mình thôi. Bây giờ chúng ta vào phần tu tập, đầu tiên chúng ta ôn lại lợi ích của Thiền chỉ và Thiền quán. Thiện Trang thấy phần này đã dạy hết rồi, nhưng rải rác khắp bài nên quý vị không nhớ, cho nên hôm nay ôn lại cho quý vị về Thiền chỉ và Thiền quán như sau:

Lợi ích của Thiền chỉ và Thiền quán (Tổng hợp từ nhiều bộ kinh trong tạng A Hàm và Nikāya)		
TT	Thiền chỉ (Sammā-ditṭhi)	Thiền quán (Vipassanā)
1	Đoạn Tham, Sân	Diệt trừ Vô minh
2	Được Tâm giải thoát	Được Tuệ giải thoát
3	Hiện tại lạc trú (chứng Sơ thiền trở lên)	Chánh niệm tỉnh giác
4	Mạng chung an lành (chứng Sơ thiền trở lên)	Được tri kiến
5	Nền tảng Thần thông, Tứ như ý túc (chứng Tứ thiền)	Đoạn tận các Lậu hoặc
6	Vượt qua tầm mắt ác ma (chứng Sơ thiền trở lên)	Vượt qua dòng sông của ma (Chứng Tùy tín hành trở lên)
7	Đưa đến Thiền quán (khi đến rốt ráo)	Đưa đến Thiền chỉ (khi đến rốt ráo)

8	Không sợ hãi (chứng Sơ thiền trở lên)	
9	Làm nền cho chứng Tam quả, Tứ quả (chứng Sơ thiền trở lên)	
Nhận định riêng	Như vắc-xin ngừa bệnh	Như thuốc trị bệnh

Ở đây Thiện Trang chia ra những lợi ích mà Thiện Trang đã trích dẫn, giảng rồi, cho nên quý vị tìm lại ở bài cũ, thứ tự từ 1 đến 9, gồm 9 điều lợi ích. Nhiều như vậy đó quý vị, không phải ít đâu. Thiền chỉ (Sammā-ditṭhi) và Thiền quán (Vipassanā).

1. Tác dụng của Thiền chỉ là đoạn được Tham, Sân. Còn Thiền quán là diệt trừ Vô minh. Ở đây chúng ta nên dành thời gian ôn lại một chút. Cho nên ai bị sân nhiều, tham nhiều thì cố gắng tu Thiền chỉ. Nhiều người không phục được điều này, nhiều người cứ suốt ngày phiền não, tại sao phiền não? Vì quý vị thiếu công phu Thiền chỉ.

Thiền chỉ thì chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ, thì đề mục dễ tu nhất, tu được khắp mọi nơi là đề mục hơi thở. Thiện Trang xin chia sẻ lại một chút đề mục hơi thở, là hãy cố gắng hít vô đếm 1, thở ra đếm 1, hít vô 2, thở ra 2, chỉ cần chú ý hơi thở thôi. Đếm 2-2, 3-3, 4-4 ... cho đến 10-10, rồi đếm 1-1 trở lại từ đầu. Làm như vậy một thời gian là điều phục được Tham, Sân rõ ràng. Quý vị đang sân chuyện gì, quý vị đang bất như ý, đang phiền não, thì quý vị dùng [đề mục] đó là hiệu quả. Đề mục đó là đề mục dễ tu nhất, có sức khỏe tốt nhất, rất dễ tu. Nhớ! Đó là một trong 40 đề mục tu Thiền chỉ. Phải tu Thiền chỉ thì mới được, rồi sau đó mình [đến giai đoạn] cao hơn, thì đếm một hồi không cần đếm nữa, tại lúc đó mình cảm thấy không đếm nữa, chỉ theo dõi hơi thở. Đoạn trừ đầu tiên là đoạn trừ Tham, Sân.

Có 40 đề mục thì Thiện Trang đã chia sẻ trong bộ này rồi, quý vị nào chưa nghe thì nghe trong bộ giảng này là có hết, bộ Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận ở những phần trước. Thiện Trang đã chia sẻ khoảng 30 đề mục tu Thiền

chỉ rồi, chỉ còn thiếu 10 đề mục nữa thôi. Sau này có thời gian sẽ quay lại video chỉ chi tiết nữa. Chúng ta có thể dùng các bóng đèn để tu biến xứ màu, mở tivi để coi, để tu Thiền chỉ về nước, thiền án nước, rồi các thiền án khác như: Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng.

Tác dụng đầu tiên [của Thiền chỉ] là đoạn Tham, Sân. Cho nên ai tham nhiều, như có người Phật tử suốt ngày than gia đình thế này thế kia, đó là Tham, Sân thì mình hãy tu Thiền chỉ nhiều lên. Còn Thiền quán là diệt trừ Vô minh.

2. Đưa đến kết quả là Tâm giải thoát đối với Thiền chỉ, và đưa đến kết quả là Tuệ giải thoát đối với Thiền quán. Đây là hai bậc A-la-hán, một bậc là A-la-hán Tâm giải thoát, một bậc là A-la-hán Tuệ giải thoát, nếu mình tu cả hai thì được Câu giải thoát, cũng là A-la-hán. Đức Phật cũng vậy thôi nha, Đức Phật cũng tu bao nhiêu đó, chứ không phải Đức Phật tu pháp khác đâu. Bài kinh này ở trong Kinh Tăng Chi, chúng ta đã giới thiệu rồi.

3. Tác dụng thứ ba của Thiền chỉ là đưa đến hiện tại lạc trú (nhưng với điều kiện phải chứng Sơ thiền trở lên). Được niềm vui, lúc nào cũng trú trong niềm vui gọi là hiện tại lạc trú. Còn Thiền quán là Chánh niệm tỉnh giác.

4. Tiếp theo là Thiền chỉ giúp cho mình mạng chung an lành (nếu như chứng từ Sơ thiền trở lên). Điều này quan trọng lắm nha! Có nhiều người muốn mạng chung an lành mà không chịu tu Thiền chỉ, thậm chí còn không biết Thiền chỉ là gì nữa. Quý vị thấy tại sao ngài Tuệ Sỹ được mạng chung an lành? Ngài cũng nói thật là ngài không có đắc Thiền, ngài có nói: “Tôi không có đắc Sơ thiền, tôi không biết nhưng tôi có thiền”. Quý vị thấy ngày nào ngài cũng thiền, [đến lúc] gần chết, cho dù ngài không đắc Sơ thiền. Đó là ngài nói, còn không biết ngài có đắc hay không, nhưng ngài cũng tự tại thoải mái. Có nghĩa là không đắc Sơ thiền, chỉ Vị đạo định thôi đó, mà có thể như thế. Nếu đắc Sơ thiền thật sự, ai mà đắc Thiền thì biết mà, nó khỏe lắm, các cơn đau trong người dường như bị khống chế lại. Tức là nó vẫn đau, chết thì vẫn chết thôi, nhưng mình được an lành.

Đây là trong bài kinh, Đức Phật nói chứ không phải chúng ta nói đâu, bài kinh thì chúng ta đã học rồi, quý vị có thể tìm lại trong bộ giảng này ở những

bài đăng trước. Chứng được Sơ thiền thì được mạng chung an lành. Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì được mạng chung an lành. Tứ thiền là chắc ăn nhất.

Còn nếu Thiền quán thì được tri kiến, được trí tuệ.

5. Tác dụng thứ 5 của Thiền chỉ là nền tảng để có Thần thông, Tứ như Ý túc. Chứng đến Tứ thiền thì chứng được Tứ như Ý túc. Còn Thần thông thì Nhị thiền là có Thần thông ít rồi, nhưng Thần thông này không có đáng kể lắm. Chúng ta thấy trong Kinh Tạp A Hàm, Tôn giả Chất Đa La nói với ngoại đạo là chứng đến Nhị thiền thì dùng một cọng lau có thể cột được gió, rồi dùng một nắm đất có thể ngăn dòng chảy của sông Hằng. Cho nên Nhị thiền cũng ghê gớm lắm rồi đó. Đây là nền tảng có Thần thông. Còn Tứ như Ý túc thì có thể trụ thể một kiếp, hơn một kiếp, nhưng phải chứng đến Tứ thiền. Và Thần thông mạnh nhất là phải chứng đến Tứ thiền.

Đoạn tận các lậu hoặc là đoạn trừ các Phiền não, thì đây là Thiền quán.

6. Tác dụng thứ 6 là vượt qua tầm mắt của ác ma (là phải chứng Sơ thiền trở lên). Coi như ma vương bị mù mắt rồi đó, trong kinh nói vậy. Nếu Thiền quán thì vượt qua dòng sông của ma. Quý vị phải chứng từ Tùy tín hành, Tùy pháp hành (tức là trước Tu-đà-hoàn), là Tu-đà-hoàn hướng trở lên thì ok.

7. Tác dụng thứ 7 của Thiền chỉ là đưa đến Thiền quán (khi tu đến rốt ráo). Khi mình tu đến rốt ráo rồi, tức là mạnh hết cỡ rồi thì đưa đến Thiền quán luôn. Mình tu đến đó là tu đến đâu? Chắc là phải đến Tứ thiền Bát định, Phi tướng Phi phi Tướng xứ, rồi phi thêm một tầng nữa gọi là bay thêm một tầng nữa thì mới tới Thiền quán.

Tác dụng thứ 7 của Thiền quán là đưa đến Thiền chỉ (khi tu đến rốt ráo). Cho nên nhiều người tu đắc được Thiền quán Vipassana thì tự nhiên họ có luôn Thiền chỉ, có Thần thông, có mọi thứ là do họ đắc được Thiền quán một cách rốt ráo thì đưa đến Thiền chỉ luôn. Điều này trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có nói.

8. Thứ 8 là không sợ hãi nếu mình đắc Sơ thiền trở lên. Trong bài Kinh Trung Bộ nói những ai có nỗi sợ hãi là chưa chứng Thiền, nếu chứng Sơ thiền

trở lên thì không sợ hãi nữa. Cho nên ai mà chưa đắc Thiền, họ vô rùng sâu tu là họ sợ lắm, bài kinh nói vậy đó. Nhưng Đức Phật chứng Thiền rồi thì không sợ. Nhiều người còn sợ hãi là chưa đắc Thiền, tất nhiên lúc mình mất Thiền thì cũng sợ thôi, nhưng nếu có thiền thì không sợ.

Đến đây, Thiền quán thì Thiện Trang hết nhớ ra rồi, tạm thời Thiện Trang kể bấy nhiêu đó.

9. Tác dụng đối với Thiền chỉ là làm nền tảng cho chứng Tam quả cho đến Tứ quả (phải chứng từ Sơ thiền trở lên). Tức là trong rất nhiều bài kinh đều nói rằng: Sau khi chứng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, các tầng Thiền đó, thì khi mình xuất thiền, quý vị hướng tâm về Tuệ quán, tức là dùng Thiền quán Vipassana là quán Vô thường, Vô ngã, hay quán gì đó, khi đó sẽ đắc được Tam quả hay Tứ quả A-la-hán, tùy vào sức mạnh. Trong bài Kinh Bát Thành, bài kinh nói về 11 con đường giải thoát, chúng ta nhớ như vậy. Cho nên phải có những Thiền này, không tu Thiền này thì biết tu gì?

[Còn cuối cùng] đây là nhận định riêng của Thiện Trang thôi, Thiền chỉ giống như là vắc-xin ngừa bệnh. Tức là khi mình có Thiền chỉ, dường như mình không có Phiền não, mình chịu trận được. Trừ khi Phiền não quá lớn thôi, còn bình thường là ok hết, cười tươi, hoan hỷ vui vẻ. Còn Thiền quán là giống như phát hiện ra bệnh, tức là phát hiện ra Phiền não, cho nên Thiền quán giống như là thuốc trị bệnh thôi. Tức là mình đã bệnh rồi thì mình phải uống thuốc. Cho nên phải dùng cả hai thì tốt hơn.

Đó là Thiện Trang đã kể ra 9 lợi ích của tu Thiền. Cách tu Thiền này thật ra đơn giản lắm quý vị. Quý vị chỉ cần coi qua lý thuyết để hiểu như thế nào, rồi quý vị mở tivi lên, hoặc ra bờ sông nhìn nước, ngồi ngắm thôi, có gì đâu. Ngồi một cách bình thường, ngồi ngắm, tập trung vào đó, gọi là có Tầm có Tứ. Đến một lúc nào đó thì sẽ xảy ra là Tợ tướng và Trì tướng. Tất nhiên là mình phải diệt được 5 Triền cái là: Tham (tham dục), nói chung là đừng tham gì hết. Rồi Sân, Nghi, Trạo cử (là tâm chạy lên), Thùy miên (buồn ngủ). Nếu lúc đó mình phục được 5 điều đó thì đắc được 5 Chi thiền, khi đó nhập định thì sẽ hiện ra Trì tướng và Tợ tướng. Có rất nhiều Trì tướng, Tợ tướng, ví dụ mình ngồi trên bờ sông, hoặc mình ngồi ở nhà mình nhìn nước trên màn hình, sau một hồi quý

vị cũng thấy nước đó là nước thật và cuối cùng mình nhập trong đó, nó dừng tâm lại, không có gì hết. Quý vị nên coi lại những bài cũ. Mà Thiền thì thật ra mình phải thực hành thì mình mới biết.

Sau này Thiện Trang có thời gian thì Thiện Trang sẽ chia sẻ lại từng đề mục Thiền, quay video lại cách tu làm sao cho được. Nhưng bây giờ chưa có thời gian, nên quý vị chịu khó coi những bài trong này và những bài vấn đáp, các đồng tu hỏi, Thiện Trang có chia sẻ rồi, đó là Thiền chỉ.

Thiền quán thì quá nhiều người dạy, lên trên mạng đầy người dạy Thiền quán. Thiền chỉ thì ít người dạy thôi, chứ Thiền quán thì người ta dạy nhiều lắm. Kinh Phật dạy, thật ra rất đơn giản, dạy [tu] Tứ niệm xứ hoặc là quán Vô thường, Vô ngã v.v... rất nhiều cách quán. Chắc quý vị giỏi rồi! Chúng ta cũng chỉ cần tu như vậy. Và quý vị cũng đừng hình thức quá, nếu như người nào không ngồi được kiết già thì ngồi bán già, không ngồi bán già được thì ngồi sao cũng tu được, chứ không nhất định phải ngồi kiết già mới tu được Thiền.

Nhớ vậy! Tại vì Thiện Trang thấy ở đây có ông người Tây, chắc chân của ông lâu năm quá rồi, ông không thể nào ngồi bán già nữa, chứ đừng nói kiết già. Hai chân ông vênh lên, nhưng ông thiền 4 tiếng đồng hồ (Thiền chỉ đó), đề mục nước hay đề mục gì đó, ông quát cho 4 tiếng đồng hồ. Mình thì tu không bằng ông, mình [ngồi] kiết già mà còn thua ông nữa. Ông không [ngồi] kiết già, ông ngồi chơi chơi thôi, nhưng ông thiền được.

Cho nên quan trọng là tâm, chứ không phải tư thế. Tất nhiên tư thế cũng quan trọng, nhưng nếu tư thế ngồi mà bị đau, đau quá là sân, sân là rớt mất Chi thiền rồi. Sân là rớt vào 1 trong 5 Triền cái, Sân cái đó, thì rớt mất Chi thiền rồi, thì đâu có được. Phải Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định mà. Bây giờ mình sân thì rớt mất một Chi thiền đúng không?

Rồi phải có Tầm, là hướng đến đối tượng. Tứ là áp lên đối tượng, Hỷ là có sự vui, Lạc là sự vui trên thân. Mà bây giờ mình sân thì rớt mất Lạc rồi. Sân là đâu có vui trên thân được. Sân là khổ, thọ ưu mà. Vừa ưu vừa khổ là rớt hết luôn hai Chi thiền, cho nên là không có hỷ lạc, thì làm sao có 'một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ' được, thì làm sao đắc Sơ thiền được?

Cho nên đừng có tham. Nhiều người vô tu, tham chứng đắc, ngồi vô toàn mong đắc Thiền, đó là rút vô Tham dục cái, rút mất Chi thiền rồi. [Có] hỷ thì mới bói đi tham, có tham thì không có hỷ, thì rút luôn Chi thiền đó. Cho nên có sân, có tham là đi chung với nhau, rút một lúc 2 [Chi thiền]. Cho nên ngồi vừa vừa phải phải thôi nha, ngồi sao thấy thoải mái là được. Nhiều người hỏi: “Con ngồi, con dựa được không?” Được! Ngồi làm sao miễn tu thoải mái là được. Nếu ngồi được ngay ngắn là tốt nhất, và mình tu nó yên tâm là được.

Hôm nay chia sẻ xong phần Thiền rồi. Như vậy bảng này là quan trọng nha. Thiện Trang đã tổng kết rồi, ai thấy thiếu điều nào thì bổ sung thêm, để chúng ta biết được tầm quan trọng [của Thiền chỉ và Thiền quán]. Và Đức Phật nói: “**Tùy thời biết tu Thiền chỉ và Thiền quán**” tức là lúc nào tu Chỉ, lúc nào tu Quán [thì] mình phải biết, chứ không phải tu một cái. Tu một cái cũng được, nhưng không tốt bằng tu cả hai.

Bây giờ chúng ta cung cấp thêm một kiến thức nữa là:

Tại Sao Hai Người Tu Giữ Giới Khác Nhau Lại Cùng Chứng Quả Giống Nhau Và Sanh Về Cùng Một Nơi?

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Bài kinh này Thiện Trang có giới thiệu rồi, nhưng chưa đầy đủ, bữa nay sẽ nói đầy đủ.

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan khoác y, ôm bát đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khát thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan, vội vàng sửa soạn chỗ ngồi, và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi đứng qua một bên, bạch Tôn giả A-nan.

Đây là chuyện thời Đức Phật, lúc này ngài A-nan đi khát thực trong thành, thì có một Cư sĩ nữ (Ưu-bà-di) tên là Lộc Trụ thấy ngài A-nan, nên vội vàng sửa soạn chỗ ngồi, mời Tôn giả A-nan an tọa. Quý vị thấy Phật giáo

Nam truyền hay Phật giáo Nguyên thủy rất là tuyệt vời, ở chỗ là các người Cư sĩ luôn luôn cung kính người xuất gia. Rất là tuyệt vời! Đúng lẽ luôn. Bà ấy thưa Tôn giả A-nan:

“Thưa Tôn giả, pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na trước kia tu phạm hạnh, ly dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ. Còn chú con là Lê-sur-đạt-đa không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sinh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biên tế của khổ.

Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, và đời sau của họ cũng giống nhau?”

Chúng ta đọc hết câu hỏi rồi phân tích lại. Tức là bà này tên là Lộc Trụ, bà hỏi cha của bà là ông Phú-lan-na, cha của bà tu rất khá, lại giữ phạm hạnh, không dâm dục luôn (mặc dù là người tại gia). Ly dục mà, thanh tịnh, thậm chí là không đeo hương hoa, lìa xa những thứ phàm tục thô bỉ, gần như là [tu giới] Bát quan trai rất giỏi. Quý vị thấy ngày nay cũng có nhiều người tu vậy đúng không ạ? Còn người chú của bà là Lê-sur-đạt-đa thì không có tu phạm hạnh, ông chỉ biết đủ thôi. Cả hai người đều qua đời, Đức Phật thọ ký là họ đều chứng đắc Tư-đà-hàm và sanh về trời Đâu Suất, và một lần [sanh] nữa thôi thì sẽ chứng quả A-la-hán giải thoát đau khổ.

Bài kinh này trong Kinh Tập A Hàm hay Kinh Tương Ưng đều nói. Bài kinh này thì không nói rõ, [ở] Kinh Tương Ưng hình như nói rõ hơn, là ông chú còn có quan hệ với vợ ổng nữa, tức là không tu phạm hạnh, mà thỏa mãn với vợ ổng. Như vậy mà sao Đức Phật nói hai người này chứng quả Tư-đà-hàm giống nhau, cùng sanh về trời Đâu Suất, đều đạt quả Nhất lai, tại sao kỳ vậy? Bà này nghe Đức Phật thọ ký như vậy, nên bà mới thắc mắc và hỏi ngài A-nan. Chúng ta xem ngài A-nan trả lời thế nào?

Ngài A-nan đáp:

“Này chị, hãy thôi đi! Chị không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian”. (Tức là ngài A-nan nói là bà không thể biết được đâu. Căn tánh như thế nào, thì chỉ có Đức Phật biết rõ thôi).

Nói như vậy xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. (Tức là ngài A-nan nói vậy thôi, cũng không giải thích nhiều, rời đi mất).

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói, bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Này A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. (1) Này A-nan, hoặc có một hạng người phạm giới. Người ấy không biết như thật đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. (2) Hoặc có một hạng người phạm giới, do biết như thật Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những hạng người này mà so sánh mà nói rằng: ‘Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, thì ở đây cả hai phải cùng sinh một chỗ, đồng thọ sinh như nhau và đời sau cũng như nhau’. Người nào so sánh như vậy, thì sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

Đoạn này hơi khó hiểu một chút, chúng ta cứ chậm chậm phân tích. Đức Phật nói có hai hạng người, hai hạng người đều phạm giới, nhưng sau khi phạm giới thì họ đều sám hối cho hết, không còn phạm giới nữa. Chứ không phải ai cũng trong sạch luôn đâu. Đức Phật cũng nói trong bài kinh là có hai hạng người được gọi là tuyệt vời ở đời: Một là người không phạm [lỗi] gì hết, hai là người phạm [lỗi] mà biết sửa. Ở đây cũng vậy, hai người này phạm giới và họ sửa. Nhưng khác nhau là *một người thì biết như thật đối với Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, một người thì không biết.* Khác nhau như vậy thôi. Nếu ai nói hai

người đó mà sanh cùng chỗ như nhau, đời sau kết quả như nhau. Đức Phật nói người so sánh như vậy là sai rồi, sẽ bị khổ, không lợi ích, không có nghĩa.

Tại sao? Vì hai người có trí tuệ khác nhau, ý là Đức Phật nói một người có trí tuệ biết được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, còn một người không có trí tuệ để biết được Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Cho nên việc học giáo pháp quan trọng. Quan trọng học là để mình hiểu thế nào là Tâm giải thoát, thế nào là Tuệ giải thoát. Ở đây là biết như thật, mình chưa biết như thật thì cũng ráng biết một phần đi đã.

Giờ quý vị biết Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát rồi đúng không ạ? Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát là hai bậc A-la-hán, nếu người ta tu khá, chứng cả hai gọi là Câu giải thoát. Tâm giải thoát thì đa phần do tu Thiền chỉ mạnh. Còn Tuệ giải thoát là do tu Thiền quán mạnh. Người chứng Tuệ giải thoát có thể không chứng Thần thông gì hết, vì người ta tu thuần Thiền quán. Còn người Tâm giải thoát do người ta tu chứng Thiền chỉ mạnh, cho nên họ được Tâm giải thoát. Người mà tu song song cả hai thì người ta chứng được Câu giải thoát, tức là được Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Những bậc này chúng ta đã nói qua rồi, cho nên học pháp cũng quan trọng đúng không ạ? Giúp cho [chúng ta hiểu] chỗ này.

Này A-nan, người phạm giới, đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này sẽ thối đạo, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thối đạo.

Quý vị thấy người phạm giới đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát mà *không biết như thật*, thì phạm giới tuy là đã khởi lên, đã diệt rồi, không còn nữa nhưng người này không có thăng tiến được, mà người này thuộc hàng thối đạo, cho nên rớt xuống. Cho nên phải học pháp, quan trọng đó, để mình hiểu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã

chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thối đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

Quý vị thấy không ạ? Rõ ràng là người trí tuệ vẫn tốt hơn. Cho dù hai người có phạm giới, sau đó diệt, không phạm giới nữa, thì người có trí tuệ lại đi lên, còn người không có trí tuệ, không hiểu được Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát thì họ rớt xuống. Quý vị thấy không? Khác nhau đó! Cho nên trí tuệ là một điều quan trọng trong tu hành. Cho nên ‘pháp của Ta là sở hành của người trí, chẳng phải sở hành của kẻ ngu’, Đức Phật nói rồi mà.

Cho nên, này A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. (Cho nên mình không biết thì mình làm sao so sánh được. Mà điều này mình làm sao biết được, chỉ có Phật biết thôi). **Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người.** **Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại.** (Mình so sánh, mình thấy người ta cũng phạm giới như nhau thế này thế kia, mình so sánh thì mình tự chịu lấy tai hại). **Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.** (Mình không biết được, cho nên mình không so sánh được. Ngày nay nhiều người không học, nên thường hay nói, thậm chí nói người này thế này, người kia thế kia. Thật ra mình cũng đâu biết ai căn tánh thế nào. Quan trọng là người ta phải sám hối. Người ta tu rồi, người ta có biết được trí tuệ hay không?)

Như hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

Hoặc người trạo cử tháo động, không biết như thật đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

Ở đây, Đức Phật nói ra mấy hạng người, đầu tiên là phạm giới, thì có hai hạng: Một người phạm giới và không biết như thật về Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. [Còn] người trì giới cũng có hai hạng: Một người biết và một người không biết về Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Rồi tiếp theo Đức Phật nói đến người trạo cử (tháo động), nghĩa là tâm lăng xăng suốt, một người biết như thật

về Tâm giải thoát, một người không biết như thật về Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Cũng giống vậy.

Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn. (Tức là phải diệt tâm, chứ còn tâm thì không nói. Đối với thân cũng vậy).

Hoặc người khổ tham, không biết như thật đối với Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng sự khổ tham của họ đã diệt không còn.

Ô ưế, và thanh tịnh, cũng được nói như trên. ... cho đến

Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi. (Tức là chỉ có Phật mới biết rõ thôi, chứ còn mình thì không biết).

Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên sinh tâm hồ nghi đối với pháp nhất hướng mà Như Lai đã thuyết. Thế nào, này A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?"

Ngài A Nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, không".

Quý vị nhớ, những gì mà Như Lai dạy không bao giờ hai hướng, không bao giờ hai lời, không nói kiểu này, cũng không nói kiểu kia. 'Bạch Thế Tôn, không'. Nhớ là không bao giờ có. Cho nên người đời sau họ [nói] hai lời, họ nói lúc Đức Phật nói thế này, lúc Đức Phật nói thế kia. Thật ra là họ bào chữa cho cái sai của họ thôi. Chứ lúc nào Đức Phật cũng nói một hướng thôi. Tại vì cô Ưu-bà-di Lộc trụ không biết, cho nên là không hiểu, chứ còn Đức Phật nói rõ ràng tu như thế khác nhau, sẽ giải thích rõ ở đằng sau.

Phật bảo A-nan:

"Lành thay! Lành thay!" (Tức là xạ thu, xạ thu) **Như Lai nói pháp, nếu là hai thì điều này không thể có.** (Quý vị nhớ câu này giùm để xài. Như Lai nói pháp, nếu là hai thì điều này không thể có. Nhớ vậy! Không bao giờ có chuyện đó. Nhớ là Đức Phật chỉ nói một lời, không bao giờ nói hai lời. Người đời sau cứ bào chữa cho họ, rồi họ nói hai lời thôi). **Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sinh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sinh nơi nào, thọ sinh thế nào, đời**

sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ, và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sinh nơi nào, thọ sinh thế nào, đời sau thế nào? (Chúng ta nghe đoạn chữ màu đỏ này là được). **Này A Nan, Phú-lan-na trì giới hơn** (tức là ông bố thí trì giới hơn), **còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, Ta nói hai người cùng sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-đà-hàm, sinh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sinh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.**

Nguyên nhân là một người thì trì giới hơn, một người thì trí tuệ hơn, cho nên kết quả giống nhau. Quý vị hiểu chưa? Giống như cần cù bù thông minh vậy đó. Ông kia thì lười hơn, nhưng có trí tuệ hơn, cho nên là bằng ông Phú-lan-na. Ông Phú-lan-na thì siêng hơn, giữ giới được nhiều hơn. Cho nên ‘cần cù bù thông minh’, chấp tướng, kệ, ráng cố trì giới, giữ giới phạm hạnh cho nhiều vô v.v... Ông kia thì do thông minh hơn, trí tuệ hơn, cho nên cuối cùng kết quả như nhau, cùng đắc Tư-đà-hàm, cùng sanh lên cõi trời Đâu Suất, chỉ một lần nữa là thoát khổ, tức là đắc A-la-hán.

Quý vị thấy không ạ? Tóm lại trong Phật pháp vẫn có cần cù bù thông minh. Cho nên siêng, tu chấp hình tướng cũng tốt, nhưng rõ ràng trí tuệ vẫn tuyệt vời hơn.

Giữa hai người này, nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sinh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người”.

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 898. Lộc Trú (1) – Kinh Tạp A Hàm).

Những điều quan trọng Thiện Trang [đã] đánh dấu ở đây hết rồi. Quý vị cứ coi lại những file này, cũng có thể chụp màn hình lại, quý vị ghi lại, tự mình làm vẫn tốt hơn là mình đi cầu người khác. Những bài như thế này, [muốn] nhanh nhất là mình tạm dừng video lại, chụp hình rồi chép ra. Những điều mà

Thiện Trang đã tô đỏ, v.v... đều có hết rồi. Còn file chép bài lại thì người ta không có tô đỏ, người ta không tô nhiều được như mình. Quý vị tự tô, tự mình chép ra, rất dễ dàng để học Phật.

Đó là Thiện Trang đã chia sẻ xong cho quý vị phần căn bản. Như vậy hôm nay quý vị biết thêm một điều nữa, *Đức Phật dạy chỉ có một hướng, không giờ có hai hướng, không bao giờ nói hai điều*. Những người có trí tuệ hơn thì cũng tốt hơn. Còn không được trí tuệ thì ráng giữ [giới], chấp tướng [tu]. Cho nên hai người, một người thì giữ phạm hạnh không dâm dục, v.v... ở trong bài Kinh Tương Ưng nói rõ luôn. Một người còn có vợ, cuối cùng cả hai người đều đắc Tư-đà-hàm, đồng sanh lên trời Đâu Suất. Cho nên là giống nhau, do một bên trí tuệ hơn, còn một bên trì giới hơn. Chúng ta hiểu [như vậy] là được rồi.

Bây giờ chúng ta học vào phần Vi Diệu Pháp, hôm nay chúng ta học ‘Lộ trình tâm thời bình nhật Ý môn’. Hôm bữa mình học phần I: ‘Lộ trình tâm thời bình nhật Ngũ môn’, Ngũ môn tức là 5 cửa: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Hôm nay mình học tới cửa ý. Ý là các suy nghĩ của mình, thì sẽ sanh ra các Lộ trình tâm. Hồi bữa, quý vị nhớ có 4 sơ đồ Lộ trình tâm đối với Cảnh rất lớn, Cảnh lớn, Cảnh vừa, Cảnh nhỏ (hoặc Cảnh rất nhỏ, tùy ngôn ngữ người ta dịch). Hôm nay chúng ta học về Lộ trình tâm ý cũng có bốn [cảnh] như vậy.

Đầu tiên chúng ta học về 14 điều kiện tạo ra các Lộ trình tâm của cảnh ý. #Tâm lộ cảnh ý tức là Lộ trình tâm của cảnh ý, gồm 14 điều kiện, ở đây người ta chia thành bốn nhóm:

a.Cảnh từ ký ức giác quan (1-4)
1.Do đã từng thấy nên trạo lại (Ditṭhato).
2.Do liên tưởng điều đã thấy (thấy giống điều đã thấy) (Ditṭhasambandhato).
3.Do đã từng nghe nên trạo lại (Sutato).
4.Do liên tưởng điều đã nghe (Sutasambandhato).

1. Do đã từng thấy nên trạo lại: tức là tại sao mình có những suy nghĩ,

như mình thấy cái gì đó rồi nên bây giờ nó hồi lại. Ví dụ như quý vị thấy được Thiện Trang rồi nên lúc nào đó quý vị ngồi, tự nhiên nhớ ra thầy Thiện Trang. Đó là thấy rồi cho nên nó trào lại, nó đào lên lại đó [cảnh] đó. Đó là một điều khiến mình sinh ra suy nghĩ, quý vị hiểu không? Giống như mình suy nghĩ thầy Thiện Trang thế nào v.v... mình ngồi đó mình nghĩ thôi chứ đâu có thấy gì đâu. Cho nên đó là do đã từng thấy trong quá khứ, thì tự nhiên nó trào lại. Đó là điều kiện thứ nhất khiến sanh ra Lộ trình tâm của cảnh ý, tức là suy nghĩ của mình.

2. Do liên tưởng điều đã thấy (thấy giống điều đã thấy): Ví dụ như quý vị ra ngoài đường, quý vị thấy một người xuất gia, tự nhiên quý vị nhớ đến mình học pháp của thầy Thiện Trang. Đó cũng là do thấy giống với điều đã thấy, [làm] mình liên tưởng đến một điều cũ. Hoặc là quý vị có một người cha, người mẹ, hoặc là mình đi xa, đi đâu đó, tự nhiên mình gặp một người nào đó thấy giống giống cha mình [nên] mình nghĩ tới cha mình ở nhà, nghĩ đến mẹ mình ở nhà, đó là do liên tưởng thấy cái gì đó. Những điều này thuộc về Tưởng. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều này rõ ràng là quý vị thấy là Tưởng đúng không ạ? Điều thứ 2 là liên tưởng, còn điều 1 cũng là tưởng, nhưng phải có cung cấp từ cửa mắt, tức là từ sắc mà thấy.

3. Do đã từng nghe nên trào lại: Ba là do từ nghe. Tức là hồi xưa mình nghe rồi, ví dụ như mình nghe bài hát hay nghe nghe nội dung thuyết pháp gì đó, bây giờ ngồi, tự nhiên nhớ lại, trào lại, tưởng lại, nghĩ: Ồ, hôm bữa mình học về 14 đối tượng bổ thí cúng dường, bữa đó thầy Thiện Trang giảng là có đối tượng đầu tiên là súc sanh, cho đến đối tượng cuối cùng là Phật. Súc sanh rồi tới người ác giới, tới người trì giới, rồi người chứng Thiền, rồi mới tới ngoại đạo... Mình nhớ nhớ như vậy, gọi là do từng nghe rồi nên nó trào lại. Mặc dù mình ngồi đó, mình [nhớ] đến, nên nó cũng là Tưởng. Ở trong Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức), thì nó thuộc về Tưởng. Lúc đó mình đâu có nghe đâu, mà mình chỉ tưởng thôi.

4. Do liên tưởng điều đã nghe: điều này là do mình nghe điều gì đó tương tự. Ví dụ mình đi ra, mình nghe thấy người ta bổ thí, kêu có người giảng bổ thí này công đức lớn. Rồi mình nhớ đến hôm bữa thầy Thiện Trang dạy bổ thí rồi. Tức là nghe những điều gì đó mình liên tưởng lại, cho nên nó cũng phải

từ giác quan là cửa nhĩ môn, xong rồi nó đưa ra, ở trong ý môn chạy. Đó là liên tưởng. Bốn điều này, chúng ta thấy rõ ràng thật ra cũng là tưởng hết đó.

b.Cảnh do tâm lý hiện tại (5-8)

5. Do sức sáng tạo của tâm (Sādhayato).

6. Do ái lạc, hưng phấn (Ruciya).

7. Do suy diễn, hình dung dựa trên kinh nghiệm (Ākāraparivitakkato).

8. Do tri kiến, Tà kiến hay Chánh kiến tác động (Ditṭhinijjhānakkhantiya).

5. Do sức sáng tạo của tâm: Điều này là do tâm mình sáng tạo. Tức là mình nghe rồi một hồi mình tưởng: à, có căn nhà, mai một mình [có] căn nhà thế này thế kia v.v... mình vẽ ra hoặc là mình tưởng tượng ra một trời thứ, những điều mà nhiều khi trong thực tế chẳng có. Giống như hồi xưa mình nghe Niết-Bàn là gì, bây giờ mình tưởng tượng Niết-Bàn. Rồi có những người tu Tây Phương Cực Lạc gì đó, họ cũng tưởng tượng ra Tây Phương Cực Lạc thế này thế kia, toàn tưởng không thôi. Đó là sức sáng tạo của tâm. Đó là do tâm lý thôi.

6. Do ái lạc, hưng phấn: Có nhiều khi do hưng phấn, ái lạc vui thích. Do cảnh bên ngoài đưa lại cho mình, nên lúc đó mình khởi ra Lộ trình tâm ý.

7. Do suy diễn hình dung dựa trên kinh nghiệm: Điều này cũng có nè! Do suy diễn hình dung dựa trên kinh nghiệm. Ví dụ mình có kinh nghiệm gì đó rồi, giống như mình tọa thiền, Thiền này nguy hiểm nhất. Khi thiền thì mình nghĩ về đặc Thiền, nghĩ đến đó rồi mình nghĩ suy diễn thêm: À, tu như vậy là đặc. Giống như hồi xưa, Thiện Trang không có học Chánh kinh, nên Thiện Trang nghe các vị thầy cũng khá nổi tiếng giảng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền là gì. Mình nghe mình thấy các ngài diễn tả ghê quá, mình nghĩ chắc các ngài chứng Thiền rồi, chứng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền rồi. Nhưng sau này Thiện Trang coi Chánh kinh xong, Thiện Trang kêu: các ngài đó giảng trật lất, không đúng. Các ngài bị lầm.

Đó là do không học Chánh kinh. Không học Chánh kinh là bị lầm. Quý vị hiểu không? Tức là các ngài không nắm được năm Triền cái, không nắm được

năm Chi thiền, các ngài lẫn lộn trong đó. Các ngài không biết trạng thái Sơ thiền là gì? Là ngôn ngữ tịch diệt. Nhị thiền là thế nào? Là Tầm, tứ tịch diệt. Rồi Tam thiền cho đến Tứ thiền là thế nào, các ngài không biết. Các ngài không biết, các ngài bị lầm, cho nên giảng ra, một trời người không học chánh kinh là cũng tưởng các ngài đắc Thiền. Mình cũng tưởng [vậy] luôn. Hồi xưa là vậy đó. Sau này biết rồi: Ôi thôi, con lạy các ngài luôn, con sợ lắm, sau này sợ lắm, chỉ có học chánh kinh thôi, rồi nghe người ta nói thì mới biết được.

Cho nên không có nền tảng từ chánh kinh là nguy hiểm. Chánh kinh là Kinh A Hàm, Kinh Nikaya là phải học thuộc, phải nắm được, phải hiểu thì mới hành được. Còn không, nghe người ta tả một hồi, người ta đang rớt vào Vị đáo định đó quý vị, mà người ta tưởng là người ta đắc tới Tam thiền. Và mình nghe người ta, mình cũng tưởng họ đắc Tam thiền, tại vì người ta mô tả đó là Tam thiền. Người ta dùng định nghĩa, người ta mô tả: Đây là Sơ thiền, đây là Nhị thiền, đây là Tam thiền... Nhưng mình coi trong các Chi thiền của Kinh tạng hay là Vi Diệu Pháp thì [thấy] trật mất tiêu. Khi còn Tầm, còn Tứ thì làm gì chứng tới được Nhị thiền của Kinh tạng. Còn dính, còn vướng vào đối tượng. Có một đối tượng nào đó, ôm một đối tượng nào đó, dính vô Tầm Tứ, bám vào đó liên tục thì làm sao được. Cho nên từ đó mình hiểu rồi. Rồi họ nói chứng tới Tứ thiền. Tứ thiền là Xả niệm thanh tịnh địa mà, có xả niệm chưa? Còn niệm đó mà, giống như người tu niệm Phật, cứ niệm A Di Đà Phật miết thì làm sao được. Cho nên là không được. Nhập Sơ thiền là ngôn ngữ tịch diệt rồi, không có tướng âm thanh, không có ngôn ngữ, mà vô đó còn chạy ngôn ngữ nữa là sao?

Cho nên là phải học chánh kinh, và học rồi phải thực hành nữa. Học không [thôi] chưa đủ, phải kiểm nghiệm trên sự thực hành đó. Bây giờ mình không nói ai tu đúng tu sai, nhưng mình phải có chánh nhãn là do Đức Phật cung cấp. Tuy Đức Phật cung cấp lý thuyết rồi, nhưng mình còn phải thực hành nữa, kiểm nghiệm xem: À, tôi tu như thế, như thế. Tôi thấy tôi đang tương ưng chỗ nào, tôi biết. Đời nay không có ai ấn chứng cho ai đâu. Nên nhớ! Không ai ấn chứng, mà quý vị tự ấn chứng cho mình dựa theo tiêu chuẩn của kinh. Và thật ra đó là ấn chứng theo Thiền đó thôi, chứ còn Sơ quả Tu-đà-hoàn trở lên thì quý vị tự biết, trong kinh, Đức Phật nói như vậy. Vì trí của người Sơ quả ghê

góm lăm, họ biết được đây là chánh pháp, đây là tà pháp. Họ đọc một bộ kinh, đưa cho họ một bài kinh, họ có thể biết rằng: Đoạn này là lời của Như Lai, đoạn này là lời của người đời sau thêm vô nè! Họ biết rất rõ, bởi vì họ kiến đế, họ thấy được Tứ đế rõ ràng. Tại vì Sơ quả Tu-đà-hoàn đã kiến một đế, là kiến được bốn đế, và thấy như thật rồi. Cho nên ai nói vòng vo là họ biết à. Nói thêm bớt gì đó, nói gì đó là họ biết liền, đoạn này thiếu, đoạn này sai.

Quý vị thấy ngài Lục tổ Đại sư Huệ Năng, ở đây mình nói một chút, vì tuy mình học Nguyên thủy, nhưng mình cũng nói ngài Huệ Năng. Ngài Huệ Năng, quý vị thấy khi người ta hỏi về Kinh Đại Bát Niết Bàn: “Tự Tánh là thường đúng không?” Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn của Đại thừa, nói Tự Tánh là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’. Hồi xưa mình thấy Tự Tánh là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’, Kinh Đại Bát Niết Bàn nói Tự Tánh là thường. Nhưng quý vị học kinh Nguyên thủy, quý vị thấy Tự Tánh đâu có thường đâu. Ngài Lục tổ cũng bắt được chỗ đó, ngài thấy là Tự Tánh không thường, cho nên ngài nói là sao ông nói là Tự Tánh thường được. Người kia nói: “Ngài nói sao vậy? Kinh nói như vậy, nói Tự Tánh là thường, mà ngài nói Tự Tánh vô thường là sao?” Ngài Lục tổ Huệ Năng mới nói rằng: “Ta là tổ sư, ta được ấn chứng, ta được trao y bát, ta không thể nói sai được. Người nghĩ xem!” Tức là ngài không bác thẳng ý kinh, mà ngài chỉ nói là người nghĩ xem, ông nghĩ xem coi, nếu Tự Tánh là thường, thì chúng sanh mãi mãi là chúng sanh, là chúng sanh hoài. Nó phải vô thường chứ, phải biến đổi chứ, giải thích một hồi thì ông đó hiểu. Thật ra ngài Huệ Năng biết chỗ đó sai, vì sao? Đức Phật nói **“chư hạnh vô thường, thị sanh diệt pháp”**. Các hành đều vô thường, tất cả đều vô thường mà. Cho nên biết chỗ đó người ta sai, ngài Lục tổ sửa lại.

Quý vị thấy có rất nhiều điều hay, cho nên người kiến đế biết được chỗ nào sai. Kinh Tiểu thừa, kinh Nguyên thủy thì ok, kinh Nguyên thủy ít sai lăm, không có vấn đề. Nhưng kinh Đại thừa thì có nhiều điều do người sau viết vô, đoạn này viết vô, đoạn kia viết vô, thêm bớt gì đó, sự kiện này, sự kiện kia. Mình coi người mà kiến đế thì họ sẽ phát hiện ra được điều đó. Cho nên Tổ sư, nhiều khi các ngài phải nói giáo ngoại biệt truyền là vậy đó. Họ chấp kinh quá, thôi nói ra ngoài đi cho đỡ. Điều đó là những vị Tổ sư Thiên tông đặc đạo, các ngài

thấy ra vấn đề, ‘bất lập văn tự’ đi cho rồi, ‘giáo ngoại biệt truyền’ nói vậy cho khỏe. Nói trong kinh thì họ chấp vào kinh, họ cứ thờ kinh quá, [nên] không khai ngộ được.

Cho nên mình phải có những điều đó, những điều đó thì phải tu chứng mới biết, chứ còn dựa trên kinh nghiệm thì chưa chắc đúng, không có kinh nghiệm được. Phật pháp không có kinh nghiệm, kinh nghiệm chỉ là giúp cho mình đi một đoạn đường thôi, còn tu chứng là thấy như thật. Mà cái thấy đó chỉ từ một sát-na, một sát-na tâm lên là đắc đạo và từ đó về sau có mãi mãi như vậy, không bao giờ mất. Tức là Tu-đà-hoàn rồi thì không bao giờ thoái đạo nữa.

Có nhiều người hỏi: “Vậy Tùy tín hành, tùy pháp hành thì sao thầy, có chắc được không?”. Thiện Trang nói: Trong kinh, Đức Phật nói chắc mà. Trong kinh nói Tùy tín hành, Tùy pháp hành là người đó không thể nào làm điều ác lớn để đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Người đó cũng đã vào vượt địa vị phàm phu, đã vào bậc Chân nhân địa (địa vị của bậc Chân nhân), là vào địa vị Thánh nhân rồi. Và người đó không thể chết mà không chứng Tu-đà-hoàn (chứng quả Dự lưu), tức là chắc chắn sẽ chứng quả Dự lưu trước khi chết.

Nhưng có một điều là quý vị không biết, quý vị đi trên con đường đó thì chưa đủ để biết. Dù chưa đủ để biết, nhưng trí của quý vị cũng khá lắm rồi. Nhưng quý vị không biết đâu, mà cũng chẳng ai chứng cho quý vị đâu, nên ráng tu. Còn ai hỏi: “Thưa thầy, thầy coi thử con đắc Tu-đà-hoàn chưa? Con đắc Tùy tín hành chưa? Tùy pháp hành chưa?” Rồi người ta ấn chứng cho quý vị, [là] người ta nói cho vui hoặc nói xạo chơi. Không có! Vì không biết được.

Vậy ai biết? Chư Thiên biết. Nhớ! Trong các bài kinh, quý vị thấy chư Thiên xuống báo cúng dường cho người này nè, người này là bậc trì giới, người này ác giới, người này là Tùy tín hành, người này Tùy pháp hành v.v... người này chứng Tu-đà-hoàn hướng, người kia chứng Tu-đà-hoàn v.v... kể ra hết. Chư Thiên biết, còn mình là phàm phu thì không biết. Còn A-la-hán, Chân nhân là bậc A-la-hán nha! Ngôn ngữ ở trong kinh, Chân nhân là A-la-hán. A-la-hán có thể biết, nhưng tùy vào A-la-hán nữa, chứ không phải A-la-hán nào cũng biết. Điều đó không biết, mình chưa chứng A-la-hán, mình đâu biết được đâu.

Tóm lại, không có ai ấn chứng cho quý vị. Quý vị đừng có đi hỏi, mà quý vị đã hỏi là quý vị chưa chứng. Quý vị chứng rồi thì quý vị không cần hỏi, bởi vì quý vị tự biết. Tu-đà-hoàn tự biết, chứ còn phải đi hỏi ai nữa. Còn Tùy tín hành, Tùy pháp hành thì chịu thôi, ráng tu theo tiêu chuẩn trong kinh đi. Thật ra niềm tin mình bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đối với Thánh giới v.v... mình thấy được rõ kiến đế. Các con đường rất là đơn giản, Thiện Trang đã chỉ cho quý vị rồi. Có 5 con đường dễ nhất, [là] thấy một đế trong bốn đế thôi.

Ví dụ như đợt này, thấy lũ lụt đang khổ quá, quý vị thấy nỗi khổ đó, người mà bị lụt thì người ta khổ. Còn người mà thấy bằng đạo đế, thấy sự thật về khổ, thì thấy ‘đúng là cuộc đời khổ thiết’. Sanh ra cuộc đời này là khổ, quý vị thấy không ạ? Tất cả đều vô thường, không có gì hết. Nghĩ đến dòng luân hồi vô thường chán như vậy, cho nên lúc nào tâm của họ [cũng] không còn mong muốn, không còn tham, không còn sân, không còn gì hết, tự nhiên ở trong đó bừng ngộ ra được các nỗi khổ một cách rất ráo. Tức là khổ bởi sanh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi yêu thương mà phải chia lìa, khổ bởi cầu mà không được, khổ bởi ghét mà gặp nhau, khổ bởi Ngũ ấm xí thành lên xuống. Và mình thấy một trời nỗi khổ khác nữa, chứ không phải 8 sự khổ đó đâu. Nói 8 sự khổ là nói cho người mới tu thôi, còn khi nào quý vị thấy một trời cái khổ nữa, và quý vị ngán rồi. Quý vị cảm thấy có thân là có khổ, có sống là có khổ, đời là khổ và ta cũng không ham với đời, ta cũng không mong muốn gì ở đời, ta cũng không có hy vọng gì ở đời, với những ham muốn như bình thường nữa. Không mong rằng đứa con, đứa cháu mình, v.v... sẽ được một điều gì đó ghê gớm. Không! Không có! Mà mình chỉ thấy tất cả chúng sanh theo nghiệp của mình, họ sống đây, chết kia v.v... bình thường. Quý vị tu như vậy thì mới kiến đế. Còn bây giờ quý vị vẫn thấy: “Ôi khổ quá, tội đứa này quá, tội đứa kia quá” thì thôi, đó là phạm phu chính cống, chính hiệu phạm phu. Và như vậy thì tu tiếp thôi, chứ biết sao giờ. Đó là lý do thứ 7 ‘do suy diễn hình dung trên kinh nghiệm’.

8. Do tri kiến, Tà kiến hay Chánh kiến tác động (Ditṭhinijjhānakkhantiyā): tức là có những điều do tri kiến của mình biết rồi, hoặc là Tà kiến hay Chánh kiến. Ví dụ như này giờ mình nghe nói Sơ quả Tu-

đà-hoàn, nên mình có Chánh kiến, biết về Sơ quả Tu-đà-hoàn. [Rồi] mình hình dung Chánh kiến là như [thế] này, như [thế] kia v.v... mình tưởng tượng ra [Sơ quả] Tu-đà-hoàn ghê gớm lắm. Đó là mình tưởng tượng, nhiều khi tưởng tượng đúng, có khi tưởng tượng sai. [Có] Chánh kiến thì tưởng tượng đúng, Tà kiến [thì] tưởng tượng sai.

Giống như hồi xưa mình học, mình biết mình bị Tà kiến là Tu-đà-hoàn thì có khả năng ly ngũ sát, khi đi thì còn trùng tránh [ra] bao nhiêu xa đó.... Mình có Tà kiến và mình tưởng tượng chứng Tu-đà-hoàn, rồi mai mốt mình đi làm vườn được như vậy. Thật ra mình bị Tà kiến mất tiêu. Nhưng học trong [kinh], [có] Chánh kiến, [thì mình biết] A-la-hán cũng không có Thần thông, A-la-hán đi khát thực, đi kinh hành còn bị giẫm chết bao nhiêu con nữa. Quý vị thấy A-la-hán có thể không có Thần thông, thì vẫn [bị] như thế. Đó là Chánh kiến hay Tà kiến mà mình tưởng tượng về quả vị, địa vị tu chứng theo đó như thế nào, và từ Lộ trình ý của mình tưởng tượng ra.

c.Cảnh do nghiệp và năng lực siêu nhiên (9-10)

9. Do nghiệp lực quá khứ (Ñāṇakammabalena).

10. Do Thần thông, thiên lực (Ñāṇa-iddhibalena).

9. Do nghiệp lực quá khứ (Ñāṇakammabalena): Có nhiều khi nghiệp lực quá khứ khiến cho mình nghĩ lung tung. Ví dụ như mình nghĩ về một cảnh gì đó kinh hoàng, sợ hãi, là do đôi khi người bị bệnh gọi là hoang tưởng, đó là do nghiệp quá khứ. Tự nhiên mình nghĩ ra những cảnh, ví dụ như mình nằm mơ, hoặc mình ngồi, tự nhiên mình tưởng tượng thấy cảnh gì đó v.v... đó là do nghiệp lực quá khứ [khiến] mình tưởng tượng ra.

10. Do Thần thông, thiên lực (Ñāṇa-iddhibalena): Điều này là do Thần thông, thiên lực có thể thấy và tưởng tượng ra nhiều cảnh. Cảnh đó có thể đúng hoặc có thể sai.

d.Cảnh do thân, ngoại thân, trí tuệ (11-14)

11. Do rối loạn thân thể (Dhātukkhobhavasena).

12. Do ảnh hưởng chư thiên, phi nhân (Devatopasamhāravasena).
13. Do trí tuệ học pháp, tu tuệ quán (Anubodhavasena).
14. Do Thánh trí (chứng đạo, quả) (Paṭivedhavasena).

11. Do rối loạn thân thể (Dhātukkhobhavasena): Đôi khi cơ thể mình bị bệnh, bị trúng gió, bị gì đó, thấy trời toàn sao, nổi sao quá trời. Thậm chí thấy ngoài kia chớp chớp, thấy thầy đang giảng pháp mà chớp chớp, nhưng thật ra mắt mình có vấn đề. Mình kêu: Ô! Thầy mình có Thần thông, ghê ghê... Vậy đó! Thật ra đó là do rối loạn thân thể. Rồi ngày nào đó mình bị bệnh rối loạn, cho nên cảm nhận của mình bị sai đi. Có thể mắt mình bị rối loạn, mình nhìn thấy màu khác đi, mình kêu: Ô! Bữa nay tôi [có] cảm ứng rồi, tôi thấy Tây Phương Cực Lạc rồi, tôi thấy cảnh này cảnh kia tùm lum hết, nhưng thực tế là do mắt mình có vấn đề.

Đó là rối loạn thân thể, có nhiều loại rối loạn, rối loạn thân thể có thể gây ra cảnh ý, cũng có thể tự tưởng tượng ra. Đó là ngoài thân, còn có nhiều khi trong tâm mình tưởng tượng ra nhiều thứ. Khi cơ thể mình mệt thì mơ tùm lum nữa, hoặc nghĩ lung tung lang tang thì cũng do rối loạn thân thể.

12. Do ảnh hưởng chư thiên, phi nhân: Điều này là do chư Thiên, phi nhân tác động tới, khiến ý mình sinh ra những ý nghĩ kỳ kỳ. Điều này giống như người ta cầu gia hộ, ví dụ như mình lên giảng pháp cầu chư Thiên gia hộ để mình giảng cho đúng. Tức là lúc nào đó thấy mình giảng sai, [thì] chư Thiên tác động cho mình thấy ra vấn đề đó. Hay là mấy người đi làm, đi thi, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát đó. Thật ra không phải Quán Thế Âm Bồ-tát gia trì mà chư Thiên gia trì, chư Thiên tác động tới, lúc đó tự nhiên nhớ ra. Thật ra chư Thiên tác động, nhắc vô trong tâm mình, cho cảnh ý hiện ra điều đó. Hoặc là thế nào đó để cho mình trả lời được, mình nói được câu mà bình thường mình không nói được. Đó là do ảnh hưởng của chư Thiên. Phi nhân cũng vậy, cũng tác động gia trì.

Nhưng ngược lại có khi họ hại mình đó, chư Thiên thì không hại nhưng phi nhân, A-tu-la, loài quỷ tác động vô khiến mình nói tào lao. Hoặc khi hiện

tượng bị ngáo đá, dùng chất này, [chất] kia vô, đó là do rối loạn thân thể, thấy ảo hóa, tưởng tượng ra nhiều thứ. Phi nhân cũng vậy, họ tác động được. Cho nên tự nhiên lúc đó xách dao ra chém người, [gây chuyện] tùm lum, thể này thể kia, v.v... Đó là do khi mình tu không tốt, thì nhiều khi lên giảng pháp có phi nhân khiến cho [mình] nói tầm phào, nói tùm lum, mà tưởng mình nói đúng, tưởng mình chứng đắc nữa chứ!

Cho nên mấy người tà sư là bị như vậy, nói riết là nói sai, nói tùm lum tùm la. Khi mình không tu tập, mình thiếu sự chánh niệm tỉnh giác, mình thiếu công phu Thiền định thì ma tác động. Cho nên phải tu Thiền chỉ, Thiền quán là vậy. Những người không tu mà nói nhiều thì thường dễ bị rớt vào điều đó, họ khiến đến lúc nào đó tự nhiên [mình] nói tùm lum. Đặc biệt những người không giữ giới, những người hay sống không chân thật, nói một hồi lung tung, lang tang. Đó là bị [phi nhân tác động].

13. Do trí tuệ học pháp, tu tuệ quán (Anubodhavasena): Điều này là do trí tuệ mình học pháp, cũng có thể sinh ra những suy nghĩ, những kiến giải tưởng ở trong đó. Và tu Tuệ quán cho nên phát sinh được những trí tuệ, thì cũng tạo ra Lộ trình tâm trong ý mình. Tự nhiên mình hiểu ra pháp đó là như thế, hay tự nhiên mình hiểu ra điều đó là như vậy. Giống như mình tu, tự nhiên mình hiểu ra nhiều điều.

14. Do Thánh trí (chứng đạo, quả) (Paṭivedhavasena): Điều này, khi mình chứng đạo, chứng quả rồi thì tự nhiên mình có trí tuệ của bậc Thánh, nó tự sinh ra, tự nhiên mình biết nhiều điều. Cho nên khi đó coi kinh có thể biết được vấn đề này nằm ở chỗ nào, sai chỗ nào, đúng chỗ nào.

Giống như bữa nay Thiện Trang hỏi quý vị một câu: Quý vị nghĩ coi chúng sanh từ đâu đến? Chúng sanh sinh ra từ đâu? Do đâu có chúng sanh? Câu hỏi này Thiện Trang đã hỏi rồi, nhiều người vẫn không trả lời được. Thật ra trong kinh nói rồi mà quý vị không biết. Đó là trong bài kinh mà ngài Tỳ-kheo Mã Thắng nói, do câu đó mà [ngài] Xá Lợi Phất đắc đạo Tu-đà-hoàn, đó là: “Chư pháp tùng duyên sanh, diệt phục tùng duyên diệt”. Tức là các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt. Thầy tôi là Đức Phật, thường hay thuyết như thế.

Như vậy các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt, thì chúng sanh cũng là các pháp, mà các pháp do duyên sanh thì do duyên mà diệt. Chúng sanh cũng do duyên sanh, duyên diệt. Điều này cũng hoàn toàn khớp với 12 Nhân duyên. Do vô minh nên có Hành, do Hành nên có Thức, do Thức nên có Danh sắc, do Danh sắc nên có Lục nhập, Lục nhập nên có Xúc, Xúc nên có Thọ, Thọ nên có Ái, Ái nên có Thủ, Thủ nên có Hữu, Hữu nên có Sanh, rồi từ đó sanh nên có già, chết, ưu, bi, khổ, não, rồi nó vòng lại Vô minh. Cho nên đều là do duyên, nên hỏi chúng sanh [do] đâu? Chúng sanh đều [là] do duyên sanh. Quý vị thấy tất cả chúng sanh đều do duyên sanh, khi nào thế giới này tụ hợp lại, đất tụ lại thành Thế giới, thì tự nhiên có chúng sanh tới, từ cõi này, cõi kia tới.

Hôm bữa hỏi mà không ai trả lời, bữa nay trả lời luôn. Những cây trên Trái đất này từ đâu có? Trong kinh nói là do 5 loại hạt giống từ vũ trụ bay đến. Nhớ! Đức Phật giải thích quá khoa học rồi, hạt giống bay từ vũ trụ, hạt giống từ rễ cây, hạt giống từ củ, từ lá, từ cành, từ gì đó, v.v... nó lên cây. Có 5 loại hạt giống, 5 loại mà có cây có thể sanh từ rễ, có cây sanh từ lá, sanh từ cành, sanh từ quả, sanh từ thân. Những loại cây đó từ vũ trụ bay tới, Đức Phật nói trong kinh như vậy. Cho nên do duyên sanh, từ đó mới có cây cối như bây giờ. Trong vũ trụ, [những hạt giống] bay, bay tùm lum ở trong đó, đâu có biết được. Mà Đức Phật nói quá khoa học, quý vị thấy không ạ?

Cho nên chúng sanh là do duyên sinh, mà duyên sinh thì duyên diệt. Còn mình bay vô Đại thừa, mình học, mình nói chúng sanh từ Tự Tánh đến, là mình bị chấp vô Tự Tánh thường hằng thì còn khổ nữa. Quý vị chấp vào một cái gì đó thường hằng là khổ rồi. Mà Tự Tánh không phải thường hằng, Tự Tánh là vô thường (ngài Lục tổ nói nha, không phải Thiện Trang nói). Mà thực sự là như vậy, ai hiểu ra thì đều là vô thường cả. Cho nên ai học Đại thừa, chấp vào A-lại-da thường hằng thì khổ nữa. Thiện Trang nói bớt bớt đi, học dừng lại, đừng học tới Mạt-na và A-lại-da thì quý vị không chấp vào cái thường hằng. Còn lỡ học rồi thì bỏ ra, chứ không, chấp vào một cái thường hằng lại khổ nữa rồi, và khó phá Thân kiến lắm. Tại vì cứ nghĩ là A-lại-da, chuyển tới chỗ này, chuyển tới [chỗ] kia. Thực ra Đức Phật nói ‘thức sanh, thức diệt’. Khi người ta chết ở cõi này thì thức ở cõi Người diệt, sanh ở cõi Súc sanh thì thức ở cõi Súc sanh sinh

ra. Cứ thế, các cõi như vậy, cứ chế thì thức diệt, thức sanh. Cho nên thức không phải là ta, nên nhớ như vậy, không có ta trong đó, chỉ cần nhớ vậy thôi.

Còn bài Bát Nhã Tâm Kinh thì nhớ giùm: **“Chiếu kiến Ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”** là đủ rồi. Học bấy nhiêu thôi, đừng học nhiều nữa, dư, người đời sau viết quá nhiều, mệt. Quý vị chỉ cần hiểu rõ (tức là chiếu kiến đó) rằng: Tất cả năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là ‘không’. ‘Không’ ở đây là không phải của ta, là vô thường đó, thì cũng đủ rồi, là sẽ vượt qua tất cả khổ ách, vậy thôi! Câu ‘Sắc tức thị Không’ thì được, chứ còn đừng học “Không tức thị Sắc” là mệt rồi đó. Cả hệ thống Kinh Bát Nhã làm khổ cho người đời sau, là đọc đoạn đảo lại, tức là ‘Không tức thị Sắc’ là mệt đó, thành ra Triết học mất. Tại vì mình hiểu một cái thì dễ, còn mình đem đoạn kia đọc lại thì mình không hiểu. Thực ra cũng được thôi, nhưng khi hiểu rồi thì mới nói đoạn sau, còn không, mới đầu học một cái thôi. Chỉ cần ‘Sắc tức thị Không; Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị’, [là] được rồi.

Kinh Kim Cang nói: **“Vô ngã tướng, Vô nhân tướng, Vô chúng sanh tướng, Vô thọ giả tướng”**. Thôi, mình nhớ Vô ngã tướng là được rồi. Trong bài kinh Đức Phật thuyết, độ năm anh em Kiều Trần Như và bài kinh gọi là Vô ngã tướng. Quý vị học giùm bài kinh đó kỹ là được rồi. Có nói đảo qua đảo lại đâu, Đức Phật không nói đảo qua đảo lại. Người đời sau thích hay lên, phát tác tạo thêm, thêm vô, thêm vô... Thêm vô thì chúng sanh khổ thôi, người đời sau tu riết, [vì] chúng sanh không thấy trọng tâm. Tất nhiên người đó cũng nghĩ viết thế cho hay, cho rõ ràng hơn, nhưng thực ra khổ hơn, Đức Phật đã nói đủ rồi.

Trong bài Kinh SimSapa tức là lá cây Simsapa đó, Đức Phật nói là: **“Tất cả các pháp Ta đã thuyết ít như lá trong bàn tay, còn pháp Ta chưa thuyết thì nhiều như lá trong rừng”**. Nhưng Đức Phật nói rõ là Pháp kia Ta không thuyết, bởi vì nó không đem đến lợi ích cho Phạm hạnh, không đem đến giải thoát, cho nên Ta không thuyết nữa. *Cho nên bây giờ ai nói thuyết pháp ngoài lá trong tay của Phật, thì những người đó chỉ là tà thuyết, thuyết sai thôi, thuyết pháp không đưa đến giải thoát, không có liên hệ đến Phạm hạnh. Phạm hạnh là con đường để giải thoát. Nên nhớ như vậy! Đừng có dễ bị người ta dụ, học cho*

kỹ, [học] Phật pháp phải [có] trí tuệ.

Bây giờ học hiểu rồi, nên Thiện Trang nói mệt quá đi, nhiều khi đọc bài kinh dài dằng dặc, mà thực ra [phải] lọc đoạn này là Phật nói, đoạn này không phải Phật thuyết, mệt lắm. Cho nên thôi, coi kinh Nguyên thủy cho khỏe, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đủ hết rồi. Thật ra tất cả những kinh điển Đại thừa đều xuất phát từ kinh Nguyên thủy. Nhưng có người thêm vô, thêm vô, bớt đi, thêm vô, có những đoạn thêm vô cũng hay đó, cũng làm cho sáng tỏ hơn, nhưng có những đoạn thêm vô là tôi khổ với nó. Mà chúng sanh đời sau đâu có trí tuệ. Bốn bộ A Hàm, năm bộ Nikaya rất gọn, tự nhiên phát tác ra một bộ Bát Nhã dài dằng dặc 600 quyển, học chết luôn, mệt lắm. Hoa Nghiêm rất dài, hồi xưa mê mấy [bộ] đó lắm, nhưng về sau thấy học nhiều không hành được, bởi vì lý thuyết nhiều quá. Còn pháp hành nằm hết ở [Kinh] Nikaya, [Kinh] A Hàm, nghe đoạn nào là thực hành được đoạn đó. Nghe – thực hành, nghe – thực hành, và thực hành là thấy, gọi là ‘đến để mà thấy, có quả tức thời’. Và mình có khả năng hướng thượng cho mình luôn, đưa mình đi lên luôn. Pháp của Phật là thực hành tới đâu là đưa mình đi lên tới đó. Còn pháp kia nói đã, cuối cùng vọng nhiều hơn, bởi vì quý vị rớt vào Triết học, vì nó thuộc về Triết nhiều hơn.

Cho nên hãy chịu khó học lại hệ thống kinh, hồi xưa mình không tin những nhà nghiên cứu, nói kinh này xuất phát sau thời Phật v.v... mình không tin. Nhưng bây giờ mình tin rõ ràng, là bởi vì mình đối chiếu kinh, mình học hết rồi. Quý vị nên nhớ Thiện Trang đã học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa, đã học nát kinh rồi, đã đọc nhiều kinh lắm rồi. Học cả kinh trên, kinh dưới, bây giờ Thiện Trang tóm lại cũng chỉ quay về A Hàm, Nikaya thôi. Mà không chỉ Thiện Trang, quý vị thấy [cả] Hòa thượng Phước Tịnh, ngài rất nổi tiếng, được nhiều người ưa thích, ngài cũng nói: Cả cuộc đời học bao nhiêu, cuối cùng ngài vẫn xài chủ yếu là A Hàm, Nikaya. Rồi Hòa thượng Thích Trí Siêu hay ngài gì đó nổi tiếng ở hải ngoại, cuối đời cũng phải quay về với [kinh] Nguyên thủy thôi, không thoát được. Vì đó là lời gốc của Đức Phật dạy. Còn ai không tin, ai chạy vòng vòng thì ráng chịu, mất thời gian. Kinh nghiệm người ta đã đi bao nhiêu năm rồi, người ta quay trở lại.

Còn những người nói kinh nghiệm bao nhiêu năm, tôi đúc kết lại, tôi chạy

qua môn này, môn kia khác. Chẳng qua là mấy người đó chưa có duyên đọc qua 5 bộ Nikaya và 4 bộ A Hàm mà thôi. Nếu đọc qua rồi thì bảo đảm, nếu người trí tuệ sẽ hiểu ra rằng: Đây là bảo bối, đây là kim cương của Đức Phật để lại cho chúng ta. Không còn tìm đi đâu nữa hết, bởi vì những bộ khác không hay, không rõ bằng, không thực hành được. Nói thì rất hay, hồi xưa mình tin lời của siêu Phật. Siêu đâu mà siêu, làm sao siêu hơn được Phật, ai hơn được [Phật]. Ngày xưa mình nghe ngài Minh Châu với ngài Trí Tịnh nói, ngài Minh Châu nói kinh đó không phải Phật thuyết. Ngài Trí Tịnh nói là tôi không biết [có phải kinh] Phật thuyết không, nhưng kinh này siêu Phật, tức là hơn Phật. Tức là ngài Trí Tịnh chưa có duyên để coi 5 bộ Nikaya và 4 bộ A Hàm, hồi đó [ngài] không có duyên [để coi]. Chứ nếu coi thì chắc ngài cũng công nhận lời ngài Minh Châu nói đúng, tức là những lời này thiệt là lời của Phật, thật sự là như vậy.

Không phải căn tính Tiểu thừa đâu quý vị, ngay trong [Kinh] Nikaya, [Kinh] A Hàm đưa người ta tới Nhất thừa, để đến thành Phật. Nhiều người không học, không biết, kêu học mấy bộ đó chỉ đưa đến A-la-hán. Sai lầm! Những bộ đó đưa đến Nhất thừa, tu thành Phật. Tại người [học] Đại thừa đã gán cho đó là Tiểu thừa. Không phải Tiểu thừa đâu. Nên nhớ, học vô mới biết, còn không học, không đọc, cứ nghe nói người ta nói. Rồi mình học vô mới thấy: Ô, kinh này hay hơn kinh kia nữa, chỉ rõ con đường để thành Phật. Muốn thành Phật thì thành Phật, không muốn thành Phật thành La-hán cũng được, thành Bích-chi-phật cũng được. Quý vị muốn thành Phật thì tu theo cách đó là thành Phật, muốn thành Bồ-tát, thành gì cũng được.

Cho nên không đọc kinh, chỉ nghe người ta nói rồi đánh giá và nói như vậy. Câu đó cứ truyền đời này qua đời khác, nên làm hại bao nhiêu thế hệ, rất đáng thương. Bây giờ chúng ta may mắn [học] tới đây, hy vọng ai nghe được thì cố gắng chịu khó đọc [Kinh] A Hàm và [Kinh] Nikaya nhiều vô, thì tự nhiên sẽ biết.

Đó là 14 điều [để tạo ra Tâm lộ cảnh ý]. Hết giờ rồi, chúng ta nên nghỉ ở đây, bữa sau chúng ta sẽ học Lộ trình tâm, chứ bây giờ học nhiều quá thì quý vị không nhớ được. Chỉ có 14 điều để tạo ra Lộ trình tâm cảnh ý ở đây gồm có:

1. Do đã từng thấy nên trạo lại.

2. Do liên tưởng điều đã thấy (do thấy giống điều đã thấy).
3. Do đã từng nghe nên trạo lại.
4. Do liên tưởng điều đã nghe.
5. Do sức sáng tạo của tâm.
6. Do ái lạc, hưng phấn.
7. Do suy diễn, hình dung dựa trên kinh nghiệm.
8. Do tri kiến, Tà kiến hay Chánh kiến tác động.
9. Do nghiệp lực quá khứ.
10. Do Thần thông, thiên lực (sức Thiên định).
11. Do rối loạn thân thể.
12. Do ảnh hưởng chư Thiên, phi nhân.
13. Do trí tuệ học pháp, tu tuệ quán.
14. Do Thánh trí (chứng đạo, quả).

Hôm sau chúng ta sẽ học về 4 cảnh, đó là Cảnh rất rõ, Cảnh rõ, Cảnh không rõ, Cảnh mơ hồ. Ý chia 4 cảnh, có tài liệu chỉ chia 2 cảnh thôi, nhưng chúng ta chia 4 cho giống cái kia, (4-4) cho dễ.

Hôm nay thời gian hết rồi, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều sớm thành Phật đạo”.